

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Bùi Thị Bích Thanh
Giảng viên hướng dẫn: PGS.TS Thịnh Văn Vinh

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIÊN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP
CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY
CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HÀ TRANG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: Kế toán - Kiểm toán

**Sinh viên : Bùi Thị Bích Thanh
Giảng viên hướng dẫn : PGS.TS Thịnh Văn Vinh**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thị Bích Thanh

Mã SV: 110229

Lớp: QT 1103K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành
tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp
 - Về mặt lý luận: Hệ thống được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.
 - Về mặt thực tế : mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.
 - Các số liệu tính toán logic, phù hợp với dòng chảy của số liệu kế toán.
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán được lấy tại phòng kế toán của công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.
Địa chỉ : Số 16, Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
1. Sự cần thiết của đề tài:	10
2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:	10
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài	11
4. Phương pháp nghiên cứu :.....	11
5. Nội dung và kết cấu của đề tài:	11
CHƯƠNG 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TRONG DOANH NGHIỆP	12
1.1. Khái niệm, phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.....	12
1.1.1. Chi phí sản xuất.....	12
1.1.2 Giá thành sản phẩm.....	13
1.1.3 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.....	16
1.2. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. 17	17
1.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.....	17
1.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm.....	17
1.2.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp.....	18
1.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	18
1.3.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.....	18
1.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.....	19
1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp.	23
1.4.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	23
1.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:	24
1.4.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công.....	25
1.4.4. Kế toán chi phí sản xuất chung:	28
1.4.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất:.....	30
1.5. Tổ chức hệ thống sổ và báo cáo kế toán về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm	31

1.5.1. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung	32
1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	33
1.5.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	34
1.5.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký – Chứng từ	36
1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	39
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ TRANG	40
2.1. Tổng quan về công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang	40
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty	40
2.1.2 Lĩnh vực kinh doanh:	40
2.1.3. Thuận lợi, khó khăn	40
2.1.4. Đặc điểm về tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh của công ty.....	41
2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán, chế độ kế toán tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.....	43
2.2 Nội dung tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	46
2.2 Nội dung tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	47
2.2.1. Phân loại chi phí.....	47
2.2.2. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.....	48
2.2.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:	49
2.2.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp	54
2.2.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công.....	62
2.2.6. Kế toán chi phí sản xuất chung:	69
2.2.7. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm xây lắp	77

CHƯƠNG 3: MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

HÀ TRANG	83
3.1. Nhận xét về công tác kế toán tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.....	83
3.1.1. Ưu điểm:.....	84
3.1.2. Nhược điểm:.....	86
3.1.3. Nguyên nhân của thực trạng	88
3.1.4. Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.....	90
3.2. Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang	91
3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện.....	91
3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện.....	92
3.3. Những kiến nghị và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang	93
3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang	93
3.3.2. Những kiến nghị và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.....	94
3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp.....	100
KẾT LUẬN	102

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài:

Xây dựng là một ngành sản xuất vật chất tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật để phát triển nền kinh tế quốc dân, nhất là trong thời kỳ nước ta hội nhập và phát triển như hiện nay, các công trình, khu công nghiệp đua nhau mọc lên, số vốn đầu tư xây dựng cơ bản cũng gia tăng. Do vậy, chúng ta cần có biện pháp quản lý vốn một cách hiệu quả, tránh thất thoát lãng phí vốn. Để quản lý được vốn xây dựng cơ bản, chúng ta phải có biện pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành hợp lý. Đối với doanh nghiệp xây lắp, hạch toán đúng chi phí sản xuất, tính đúng giá thành sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp có cái nhìn chính xác về thực trạng, khả năng của mình và thông qua những thông tin về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm do kế toán cung cấp, những nhà quản lý nắm được chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm từng loại hoạt động, từng sản phẩm cũng như kết quả của toàn bộ hoạt động kinh doanh để phân tích đánh giá tình hình sử dụng tài sản vật tư, nhân lực... và đưa ra biện pháp sản xuất khoa học, hiệu quả nhằm tiết kiệm chi phí không cần thiết, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang em nhận thấy tầm quan trọng của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Xuất phát từ ý nghĩa thực tế trên và qua thời gian thực tập, tìm hiểu tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang em quyết định chọn đề tài:

"Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang".

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài:

- Về mặt lý luận: Hệ thống những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.
- Về mặt thực tế : mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.

- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

- Đối tượng nghiên cứu : Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp.

- Phạm vi nghiên cứu : Nghiên cứu thực trạng công tác kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang đứng trên góc độ kế toán tài chính có đề cập đến kế toán quản trị ở một mức độ nhất định.

4. Phương pháp nghiên cứu :

- Phương pháp chung : Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng và lịch sử đi từ lý luận đến thực tế, lấy thực tế kiểm tra lý luận.

- Phương pháp cụ thể : Các phương pháp hạch toán kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối), các phương pháp trình bày, bảng tính, quy nạp, so sánh, tổng hợp...

5. Nội dung và kết cấu của đề tài:

Ngoài phần mở đầu và kết luận, nội dung bài khóa luận chia thành 3 phần như sau:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.

Chương 3: Một số ý kiến nhận xét và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang.

Vì thời gian có hạn nên trong quá trình viết khóa luận, em không tránh khỏi những thiếu sót, em mong thầy cô góp ý để khóa luận được hoàn thiện hơn. Đồng thời, em xin chân thành cảm ơn PGS.TS Thịnh Văn Vinh đã giúp em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

CHƯƠNG 1**LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TRONG DOANH NGHIỆP****1.1. Khái niệm, phân loại chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.****1.1.1. Chi phí sản xuất****a. Khái niệm :**

Chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp phải chi ra có liên quan đến hoạt động sản xuất của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định.

b. Phân loại chi phí sản xuất

** Phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế.*

- Chi phí nguyên vật liệu: Gồm nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ.

- Chi phí nhân công: Tiền lương và các khoản trích theo lương, thưởng, phụ cấp của công nhân trực tiếp sản xuất, nhân viên quản lý sản xuất ở đội xây dựng của doanh nghiệp.

- Chi phí khấu hao TSCĐ: là toàn bộ phải trích khấu hao, trích trước chi phí sửa chữa lớn trong tháng đối với tất cả các TSCĐ có trong doanh nghiệp.

- Chi phí dịch vụ mua ngoài là số tiền phải trả về các loại dịch vụ mua ngoài, thuê ngoài phục vụ cho việc sản xuất như chi phí thuê máy, tiền nước, tiền điện...

- Chi phí khác bằng tiền là chi phí phát sinh trong quá trình hoạt động sản xuất ngoài các yếu tố chi phí nói trên như chi phí bằng tiền mặt, chi phí tiếp khách.

** Phân loại chi phí sản xuất xây lắp theo mục đích, công dụng của chi phí.*

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Chi phí nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu của công trình, vật liệu luân chuyển cần thiết để tạo nên sản phẩm xây lắp như: Xi măng, sắt thép, gạch, cát, đá, sỏi, gỗ...

- Chi phí nhân công trực tiếp: Chi phí về tiền lương và các khoản phụ cấp khác, tiền công phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp và phục vụ xây lắp, công nhân vận chuyển, bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công.

- Chi phí máy thi công: Là chi phí khi sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp hoạt động xây lắp công trình gồm: Chi phí khấu hao máy thi công, chi phí sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên máy thi công, động lực, tiền lương của công nhân điều khiển máy và chi phí khác.

- Chi phí sản xuất chung: là các khoản chi phí liên quan đến việc tổ chức phục vụ, quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trường xây dựng.

**Phân loại chi phí sản xuất theo phương pháp tập hợp chi phí sản xuất vào các đối tượng chịu chi phí*

- Chi phí trực tiếp: Là các chi phí sản xuất quan hệ trực tiếp với từng đối tượng chịu chi phí (từng loại sản phẩm được sản xuất, từng công việc được thực hiện ...). Các chi phí này được kế toán căn cứ trực tiếp vào các chứng từ phản ánh chúng để tập hợp trực tiếp cho từng đối tượng liên quan.

- Chi phí gián tiếp: Là những chi phí sản xuất liên quan đến nhiều đối tượng chịu chi phí, chúng cần được tiến hành phân bổ cho các đối tượng chịu chi phí theo tiêu thức phân bổ thích hợp.

1.1.2 Giá thành sản phẩm

a. Khái niệm:

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp phải chi ra có liên quan đến khối lượng công việc, sản phẩm, dịch vụ đã hoàn thành trong kỳ (bất kể chi phí đó phát sinh ở kỳ nào, có thể là chi phí phát sinh trong kỳ, phát sinh kỳ trước chuyển sang, hoặc phát sinh ở kỳ sau nhưng được trích trước vào kỳ này). Trong xây dựng cơ bản, giá thành sản xuất là biểu hiện bằng tiền của hao phí về vật liệu, nhân công, sử dụng máy thi công và các phí tổn khác để hoàn thành khối lượng xây lắp.

b. Phân loại giá thành sản phẩm

Xuất phát từ đặc điểm sản phẩm của ngành xây lắp là những công trình có giá trị lớn và thời gian thi công kéo dài mà hình thành nên chỉ tiêu tính giá thành khác nhau. Hiện nay chỉ tiêu tính giá thành sản phẩm xây lắp bao gồm :

* Căn cứ vào thời điểm tính giá thành thì giá thành sản phẩm xây lắp được chia làm ba loại :

- *Giá thành dự toán :*

Được xác định theo mức và khung giá để hoàn thành khối lượng xây lắp. Mỗi sản phẩm xây lắp đều có giá dự toán riêng và giá này được sử dụng làm thước đo cho toàn bộ quá trình sản xuất sản phẩm, sản phẩm xây lắp được xây dựng theo giá dự toán do cấp có thẩm quyền duyệt. Đồng thời, thời gian sử dụng sản phẩm xây lắp rất lâu dài đòi hỏi việc giám sát chất lượng theo thiết kế. Giá dự toán xây lắp trước hết bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước. Giá dự toán xây lắp sau thuế bao gồm giá trị dự toán xây lắp trước thuế và các khoản thuế giá trị gia tăng đầu ra.

Giá thành dự toán = Giá dự toán của công trình - Phần lợi nhuận định mức

- *Giá thành kế hoạch :*

Là chỉ tiêu được xác định dựa trên cơ sở giá thành dự toán gắn với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp.

Giá thành kế hoạch = Giá thành dự toán - Mức hạ giá thành dự toán

Với doanh nghiệp không có giá dự toán thì giá thành được xác định trên cơ sở giá thành thực tế năm trước và các định mức kỹ thuật của doanh nghiệp. Giá thành kế hoạch là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp, là cơ sở đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và hạ giá thành của doanh nghiệp. Mức hạ giá thành dự toán dựa theo điều kiện doanh nghiệp có thể khai thác được nguồn nguyên liệu rẻ. Trong điều kiện đấu thầu thì vị trí của doanh nghiệp thuận lợi cho quá trình thi công và khai thác nguyên vật liệu và nhân công với khả năng hạ giá thành là lớn nhất và sẽ có khả năng thắng thầu lớn nhất.

- *Giá thành thực tế:*

Là giá thành được xác định thực tế theo số liệu hao phí thực tế liên quan đến khối lượng xây lắp hoàn thành bao gồm chi phí định mức, vượt định mức và các chi phí khác. Để tiện cho việc theo dõi chặt chẽ các chi phí phát sinh, người ta còn phân chia thành giá thành công trình, hạng mục công trình hoàn thành.

* Căn cứ vào phạm vi của chỉ tiêu giá thành giá thành sản phẩm xây lắp lại chia ra làm hai loại : giá thành sản xuất và giá thành toàn bộ.

- *Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp :*

Là giá thành chỉ bao gồm những chi phí phát sinh liên quan đến việc xây dựng hay lắp đặt sản phẩm xây lắp.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & & & & & \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất của} & = & \text{Chi phí} & + & \text{Chi phí} & + & \text{sản xuất} \\ \text{sản phẩm} & & \text{NVL} & & \text{nhân công} & & \text{chung} \\ \text{xây lắp} & & \text{trực tiếp} & & \text{trực tiếp} & & \\ & & & & \text{Chi phí máy} & & \\ & & & & \text{thi công} & & \end{array}$$

- *Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ)*

Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất , tiêu thụ sản phẩm xây dựng.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành} & & & & & & \\ \text{toàn bộ} & = & \text{Giá thành} & + & \text{Chi phí} & + & \\ \text{sản phẩm} & & \text{sản xuất} & & \text{quản lý} & & \text{Chi phí} \\ \text{tiêu thụ} & & \text{của sản phẩm} & & \text{doanh nghiệp} & & \text{Bán hàng} \end{array}$$

* Nếu dựa vào phạm vi tính giá thành có thể phân thành :

- *Giá thành hoàn chỉnh :* bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến công trình, hạng mục công trình hoàn thành (chi phí bỏ ra từ lúc khởi công đến khi công trình hoàn thành đưa bàn giao cho chủ đầu tư)

- *Giá thành không hoàn chỉnh :* phản ánh giá thành của một khối lượng công việc xây lắp đạt tới điểm dừng kỹ thuật nhất định, cho phép kiểm tra phát sinh kịp thời để điều chỉnh cho thích hợp ở giai đoạn sau khi phát hiện nguyên nhân gây ra tăng giảm chi phí.

Ngoài ra trong xây dựng cơ bản còn sử dụng hai chỉ tiêu mà thường được gọi là giá thành nhưng thực chất là giá bán.

Giá thầu xây lắp : là một loại giá thành dự toán xây lắp do chủ đầu tư đưa ra để các doanh nghiệp căn cứ vào đó tính giá thành của mình (còn gọi là giá thành dự thầu công tác xây lắp). Nếu thấy giá thành của mình thấp hơn giá đấu thầu thì sẽ

tăng giá thầu công tác xây lắp công trình. Giá đấu thầu công tác xây lắp do chủ đầu tư đưa ra về nguyên tắc chỉ bằng hoặc nhỏ hơn giá thành dự toán. Có như vậy, chủ đầu tư mới tiết kiệm được vốn đầu tư và hạ thấp chi phí về lao động.

Giá hợp đồng công tác xây lắp : là loại giá thành dự toán xây lắp ghi trong hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp sau khi thoả thuận giao nhận thầu. Đó cũng là giá thành của doanh nghiệp xây lắp thắng trong cuộc đấu thầu và được chủ đầu tư ký trong hợp đồng giao thầu. Về nguyên tắc, giá thành hợp đồng chỉ được nhỏ hơn hoặc bằng giá thầu công tác xây lắp.

Việc áp dụng các loại giá thành sản phẩm xây lắp trên là yếu tố quan trọng của việc hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế trong xây dựng tạo được sự mềm dẻo trong mối quan hệ giữa chủ đầu tư và đơn vị xây lắp, sử dụng triệt để quan hệ hàng - tiền. Đồng thời trao lại quyền chủ động trong kinh doanh cho đơn vị xây lắp

1.1.3 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp

Nền kinh tế Việt Nam đang không ngừng tăng trưởng và được đánh giá là một trong những nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Cùng với sự phát triển chung của nền kinh tế đất nước, công tác xây dựng cơ bản chiếm một vị trí vô cùng quan trọng. Trong cơ chế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển thì các doanh nghiệp đều phải cạnh tranh lẫn nhau thông qua nhiều hình thức, trong đó chất lượng và giá cả là hai vấn đề được quan tâm nhất. Vì vậy muốn đứng vững trên thị trường, các doanh nghiệp luôn phải tìm cách hạ giá thành sản phẩm của mình một cách hợp lý để khách hàng có thể chấp nhận được. Muốn vậy doanh nghiệp phải biết chính xác giá thành sản phẩm của mình làm ra để từ đó phân tích, tìm ra biện pháp nhằm sử dụng hợp lý hơn nữa các yếu tố cấu thành nên sản phẩm xây lắp. Điều đó có nghĩa là phải tổ chức hạch toán chính xác chi phí sản xuất và tính đúng, tính đủ giá thành sản phẩm xây lắp. Tuy nhiên công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở các ngành sản xuất vật chất nói chung và ngành xây dựng cơ bản nói riêng ở nước ta còn gặp nhiều khó khăn do các nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan. Do đó công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp đóng vai trò quan

trọng đối với mỗi doanh nghiệp xây dựng cơ bản nói riêng và đất nước nói chung trong việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn nhất là trong điều kiện đất nước ta còn nhiều khó khăn.

1.2. Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất xây lắp có thể là công trình, hạng mục công trình, có thể là giai đoạn quy ước của hạng mục công trình có giá dự toán riêng hoặc có thể là nhóm công trình, là đơn vị thi công. Việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến việc tính giá thành của sản phẩm xây lắp. Chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp được tập hợp theo mục đích, công dụng của chi phí. Từ khi bắt đầu khởi công đến khi hoàn thành bàn giao quyết toán, mỗi đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đều được mở sổ để theo dõi. Các sổ chi tiết này được tập hợp theo từng tháng và theo dõi theo từng khoản mục gồm :

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp : TK 621
- Chi phí nhân công trực tiếp : TK 622
- Chi phí sử dụng máy thi công : TK 623
- Chi phí sản xuất chung : TK 627

1.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

Trong xây dựng cơ bản, do tổ chức sản xuất mang đặc điểm đơn chiếc, mỗi sản phẩm xây lắp đều có dự toán, thiết kế riêng nên đối tượng tính giá thành sản phẩm xây lắp là các công trình, hạng mục công trình đã hoàn thành.

Việc xác định đối tượng tính giá thành phẩm cũng phải căn cứ vào đặc điểm cơ cấu tổ chức sản xuất , đặc điểm quy trình công nghệ sản phẩm, yêu cầu hạch toán kế toán kinh tế và quản lý của doanh nghiệp. Như vậy, đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành giống nhau ở bản chất chung. Chúng đều là phạm vi giới hạn để tập hợp chi phí theo đó và cùng phục vụ công tác quản lý, phân tích kiểm tra chi phí giá thành. Tuy nhiên , chúng có những đặc điểm khác nhau chủ yếu sau :

Xác định đối tượng tập hợp chi phí là xác định phạm vi phát sinh chi phí , còn xác định đối tượng tính giá thành là xác định chi phí có liên quan đến kết quả của quá trình sản xuất.

1.2.3. Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp

- Kỳ tính giá thành sản phẩm xây lắp là thời kỳ có sản phẩm xây lắp hoàn thành cần tính giá thành sản phẩm.
- Đối với những sản phẩm xây lắp vì có thời gian thi công dài nên kỳ tính giá thành thường là khi nào có sản phẩm xây lắp hoàn thành. Nó không phải là hàng tháng, hàng quý như các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp.

1.3. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.3.1. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

a. Phương pháp kế toán chi phí theo công trình, hạng mục công trình :

Áp dụng khi đối tượng hạch toán kế toán chi phí của doanh nghiệp là toàn bộ công trình hay từng hạng mục công trình. Chi phí phát sinh trong kỳ liên quan đến hạng mục hay nhóm công trình nào thì tập hợp cho hạng mục hay công trình đó theo phương pháp trực tiếp hoặc gián tiếp.

b. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất theo đơn đặt hàng:

Trong kỳ , chi phí phát sinh sẽ được tập hợp và phân loại theo đơn đặt hàng riêng biệt. Khi đơn đặt hàng hoàn thành thì tổng số chi phí phát sinh kể từ khi hoàn thành chính là giá thành của đơn đặt hàng đó.

c. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất theo đơn vị thi công:

Các chi phí phát sinh được tập hợp theo từng đơn vị thi công. Trong từng đơn vị thi công lại được tập hợp theo mỗi đối tượng tập hợp chi phí như hạng mục công trình , nhóm hạng mục công trình ... Cuối kỳ , kế toán tổng hợp chi phí phát sinh ở từng công trình , hạng mục công trình đó bằng phương pháp trực tiếp, phương pháp tổng cộng chi phí...

d. Phương pháp kế toán chi phí theo khối lượng công việc hoàn thành:

Theo phương pháp này , toàn bộ chi phí phát sinh trong kỳ nhất định được tập hợp cho đối tượng tập hợp chi phí. Giá thành thực tế của khối lượng công tác xây lắp hoàn thành là toàn bộ chi phí bỏ ra trong giai đoạn thi công khối lượng công tác xây lắp đó.

1.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

1.3.2.1. Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ

Sản phẩm dở dang trong xây dựng có thể là công trình, hạng mục công trình dở dang chưa hoàn thành, khối lượng xây lắp thi công dở dang chưa được bên chủ đầu tư nghiệm thu, thanh toán. Đánh giá sản phẩm dở dang là tính toán, xác định phần chi phí sản xuất cho khối lượng làm dở cuối kỳ theo những nguyên tắc nhất định. Chi phí sản xuất tính cho sản phẩm xây lắp dở dang cuối kỳ được tính toán trên cơ sở phân bổ chi phí xây lắp thực tế phát sinh cho các khối lượng công việc hay giai đoạn xây lắp chưa hoàn thành trên cơ sở tiêu thức phân bổ là giá trị dự toán hay chi phí dự toán. Trong đó các công việc hay giai đoạn xây lắp dở dang có thể được tính theo mức độ hoàn thành.

Chi phí thực tế của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$D_{ck} = \frac{D_{dk} + C}{C_{dt} + C'_{dt}} \times C'_{dt}$$

Trong đó:

D_{dk}, D_{ck} : Chi phí thực tế của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang đầu kỳ, cuối kỳ.

C : Chi phí xây lắp thực tế phát sinh

C_{dt} : Chi phí dự toán (giá trị dự toán) của khối lượng hay giai đoạn xây lắp hoàn thành trong kỳ theo dự toán.

C'_{dt} : Chi phí (giá trị) của khối lượng hay giai đoạn xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán tính theo mức độ hoàn thành tương đương

* Các phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang:

+ *Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo chi phí dự toán:*

Theo phương pháp này chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ được xác định như sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp DDCK} \\
 = \frac{\text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DDĐK} + \text{CP thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{CP của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán} + \text{CP của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán}} \times \text{Chi phí của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán}
 \end{array}$$

+ Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo tỷ lệ hoàn thành tương đương:

$$\begin{array}{l}
 \text{CP thực tế của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 = \frac{\text{CP thực tế của khối lượng xây lắp DDĐK} + \text{CP thực tế của khối lượng xây lắp thực hiện trong kỳ}}{\text{CP của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao trong kỳ theo dự toán} + \text{CP của khối lượng xây lắp DDCK đã tính đổi theo sản lượng hoàn thành tương đương}} \times \text{CP của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ đã tính đổi theo sản lượng hoàn thành tương đương}
 \end{array}$$

+ Phương pháp đánh giá sản phẩm làm dở theo giá trị dự toán:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{của khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở dang} \\
 \text{cuối kỳ}
 \end{array}
 = \frac{
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{của khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở dang} \\
 \text{đầu kỳ}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế} \\
 \text{của khối lượng} \\
 \text{xây lắp thực hiện} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 }{
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị của khối} \\
 \text{lượng xây lắp} \\
 \text{hoàn thành bàn} \\
 \text{giao trong kỳ} \\
 \text{theo dự toán}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị của khối} \\
 \text{lượng xây lắp dở} \\
 \text{dang cuối kỳ theo} \\
 \text{dự toán}
 \end{array}
 }
 \times
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị của} \\
 \text{khối lượng} \\
 \text{xây lắp dở} \\
 \text{dang cuối kỳ} \\
 \text{theo dự toán}
 \end{array}$$

1.3.2.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

a. Phương pháp trực tiếp (phương pháp giản đơn)

$$\begin{array}{l}
 \text{Tổng giá} \\
 \text{thành}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị} \\
 \text{sản phẩm} \\
 \text{DDĐK}
 \end{array}
 +
 \begin{array}{l}
 \text{CPSX phát sinh} \\
 \text{trong kỳ}
 \end{array}
 =
 \begin{array}{l}
 \text{Giá trị sản phẩm} \\
 \text{DDCK}
 \end{array}$$

Để phục vụ cho việc tính giá thành theo khoản mục người ta thường lập bảng tính giá thành theo khoản mục như sau:

Khoản mục	Giá trị SPDD đầu kỳ	Chi phí sx phát sinh trong kỳ	Giá trị SPDD cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
1. Chi phí NVLTT					
2. Chi phí nhân công TT					
3. Chi phí sử dụng MTC					
4. Chi phí SXC					
Tổng					

b. Phương pháp tổng cộng chi phí

Tổng giá thành được xác định bằng cách tổng cộng chi phí sản xuất của các chi tiết hoặc các bộ phận sản xuất:

$$Z1 + Z2 + Z3 + \dots + Zn$$

c. Phương pháp tính giá thành theo định mức:

Nội dung của phương pháp cụ thể như sau :

- Căn cứ vào định mức chi phí hiện hành kết hợp với dự toán CP được duyệt, kế toán tiến hành tính giá thành sản phẩm theo định mức.

- So sánh Chi phí thực tế phát sinh cộng với định mức để xác định được số chênh lệch. Tập hợp thường xuyên và phân tích các chênh lệch đó để kịp thời đề ra biện pháp khắc phục nhằm hạ giá thành sản phẩm.

- Trên cơ sở tính giá thành định mức, số chênh lệch do thay đổi định mức, số chênh lệch so với định mức, kế toán tiến hành xác định giá thực tế của sản phẩm xây lắp theo công thức sau :

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & = & \text{Giá thành định mức} & \pm & \text{Chênh lệch} & \pm & \text{Thay đổi} \\ \text{sản phẩm} & & \text{của sản phẩm} & & \text{định mức} & & \text{định mức} \end{array}$$

Phương pháp này rất phù hợp với đặc điểm của ngành xây lắp. Tuy nhiên, để phương pháp này thực sự phát huy được tác dụng, kế toán cần tổ chức được hệ thống định mức tương đối chính xác và cụ thể, công tác hạch toán kế toán ban đầu cần phải chính xác và chặt chẽ.

d. Phương pháp tính giá thành theo đơn đặt hàng:

Phương pháp này thường hược áp dụng trong trường hợp doanh nghiệp nhận thầu các công trình theo đơn đặt hàng, khi đó đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng, đối tượng tính giá thành là đơn đặt hàng đã hoàn thành. Chu kỳ sản xuất của mỗi đơn đặt hàng thường dài, kỳ tính giá thành phù hợp với chu kỳ sản xuất. Chỉ khi nào đơn đặt hàng hoàn thành mới tính giá thành. Theo phương pháp này, kế toán giá thành mở cho mỗi đơn đặt hàng một bảng tính giá thành. Hàng tháng căn cứ vào chi phí thực tế phát sinh được tập hợp lại theo từng đơn đặt hàng và khi nào hoàn thành công trình thì chi phí sản xuất tập hợp được cũng chính là giá thành

thực tế của đơn đặt hàng đó. Trong trường hợp nếu đơn đặt hàng chưa hoàn thành thì toàn bộ chi phí tập hợp được đến thời điểm đó của từng đơn đặt hàng sẽ là chi phí của khối lượng xây lắp dở dang.

1.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp trong doanh nghiệp.

1.4.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

** Nội dung, phương pháp tập hợp :*

Trong tổng chi phí sản phẩm xây lắp thì chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp xây lắp là những chi phí vật liệu chính, vật liệu phụ, các cấu kiện, các bộ phận kết cấu công trình, vật liệu luân chuyển tham gia cấu thành thực thể công trình xây lắp hoặc giúp cho việc thực hiện và hoàn thành khối lượng xây lắp. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp không bao gồm vật liệu, nhiên liệu sử dụng cho máy thi công và sử dụng cho quản lý Đội công trình. Kế toán áp dụng phương pháp tập hợp trực tiếp đối với những chi phí vật liệu liên quan đến một công trình, hạng mục công trình; áp dụng phương pháp phân bổ gián tiếp khi chi phí vật liệu dùng vào việc xây dựng nhiều hạng mục công trình mà không thể tập hợp trực tiếp.

** Tài khoản sử dụng :* Để phản ánh chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng tài TK 621 “Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp”.

Tài khoản 621 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình, từng khối lượng xây lắp, các giai đoạn qui ước đạt điểm dừng kỹ thuật có dự toán riêng.

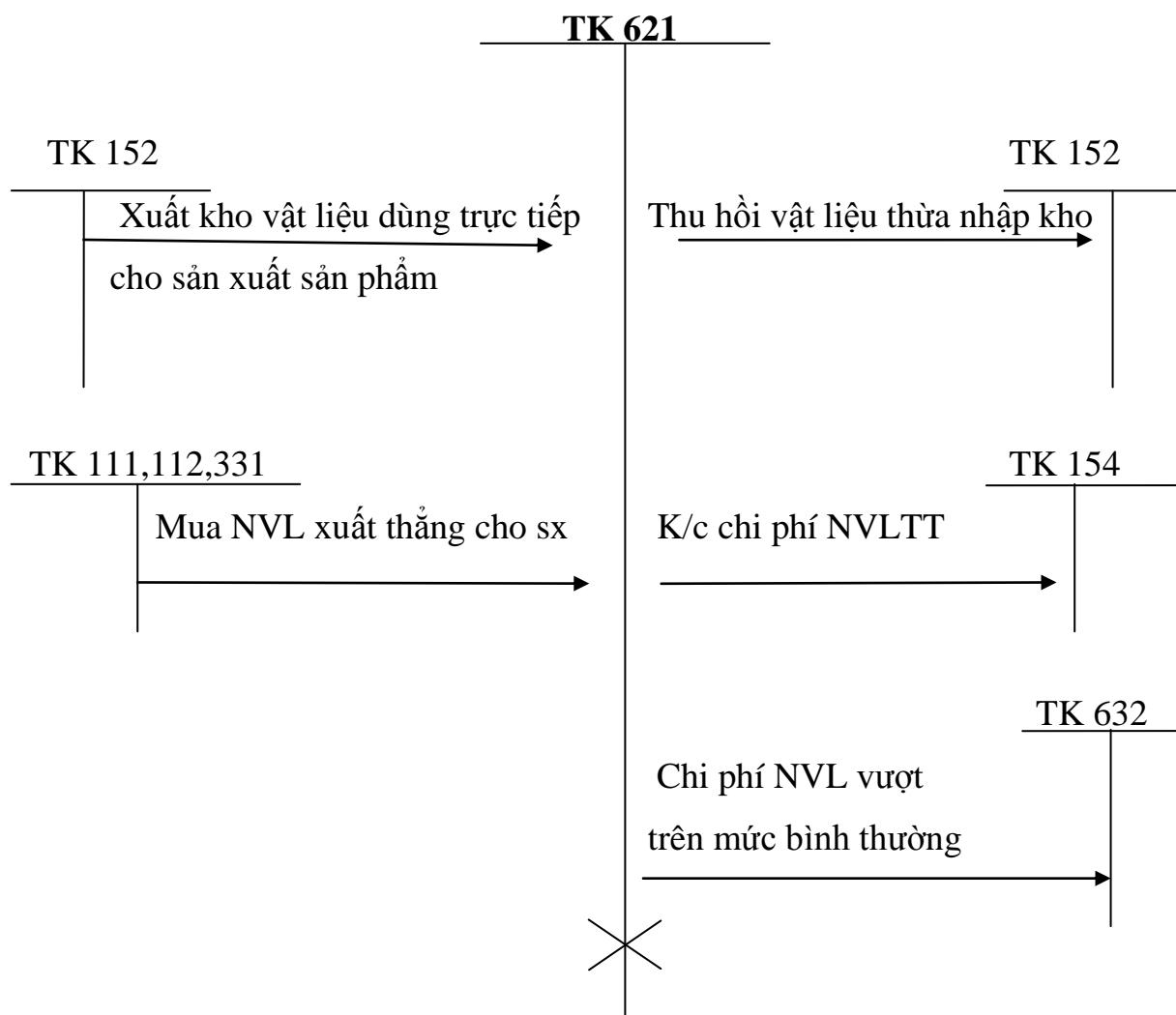
- Bên nợ : Phản ánh giá trị nguyên vật liệu xuất dùng trực tiếp thi công cho công trình, hạng mục công trình trong kỳ .

- Bên có :

+ Phản ánh giá trị nguyên vật liệu dùng không hết nhập vào kho

+ Kết chuyển chi phí nguyên vật liệu trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Sơ đồ 1.1 : Kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.4.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp:

* Nội dung, phương pháp tập hợp : Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm tiền lương, tiền công phải trả cho số ngày công lao động của công nhân trực tiếp thực hiện khối lượng công tác xây lắp, công nhân phục vụ xây lắp kể cả công nhân vận chuyển bốc dỡ vật liệu trong phạm vi mặt bằng thi công và công nhân chuẩn bị, kết thúc thu dọn hiện trường thi công, không phân biệt công nhân trong danh sách hay thuê ngoài.

Tiền lương, tiền công phải trả cho công nhân liên quan đến công trình, hạng mục công trình nào thì phải hạch toán trực tiếp cho công trình, hạng mục công trình đó. Trong điều kiện sản xuất xây lắp không cho phép tính trực tiếp chi phí nhân công cho từng công trình, hạng mục công trình thì kế toán phải phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các đối tượng theo tiền lương định mức hay gia công định mức.

* Tài khoản sử dụng :

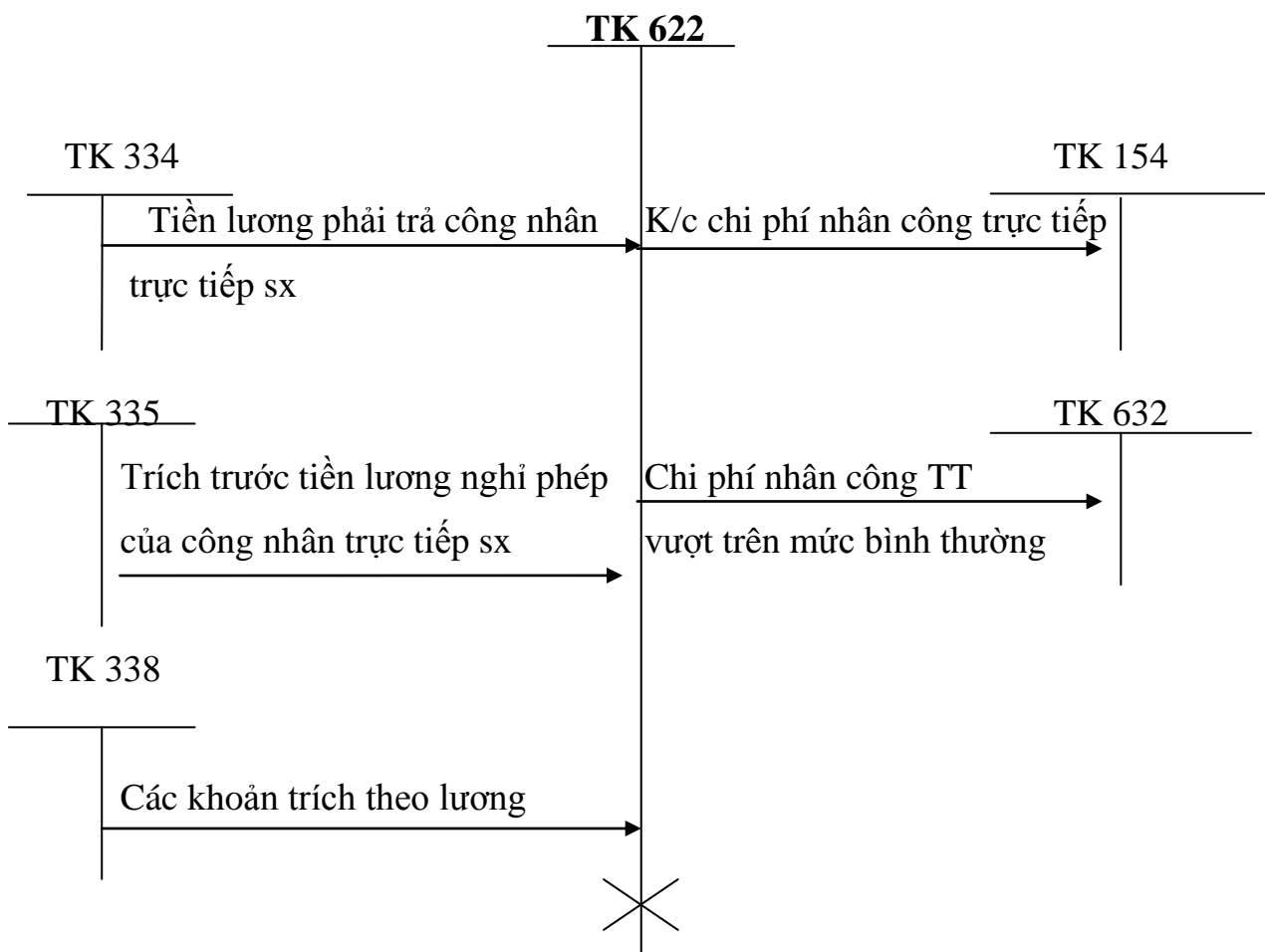
- Phản ánh chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng tài khoản 622 “Chi phí nhân công trực tiếp”.

- Tài khoản 622 được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

+ Bên nợ: phản ánh các khoản phải trả công nhân trực tiếp tại phân xưởng.

+ Bên có: kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp vào chi phí kinh doanh dở dang

Sơ đồ 1.2 : Kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp



1.4.3. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

* Nội dung, phương pháp tập hợp :

Máy thi công là loại xe máy chạy bằng động lực (điện, xăng dầu, khí nén) được sử dụng trực tiếp để thi công xây lắp các công trình. Chi phí sử dụng máy thi công là toàn bộ các chi phí về vật liệu, nhân công và các chi phí khác có liên quan đến sử dụng máy thi công.

* Tài khoản sử dụng :

Đề tập hợp và phân bổ chi phí sử dụng máy thi công phục vụ trực tiếp cho hoạt động xây lắp, kế toán sử dụng TK 623 “Chi phí sử dụng máy thi công”. Tài khoản 623 chỉ sử dụng để hạch toán chi phí sử dụng máy thi công đối với các trường hợp doanh nghiệp thực hiện xây lắp công trình theo phương thức thi công hỗn hợp vừa thi công thủ công vừa thi công bằng máy. Không hạch toán vào TK này các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ) của công nhân sử dụng máy thi công.

TK 623 có 6 TK cấp 2:

TK 6231 – chi phí nhân công

TK6232 – chi phí vật liệu

TK 6233 – chi phí dụng cụ

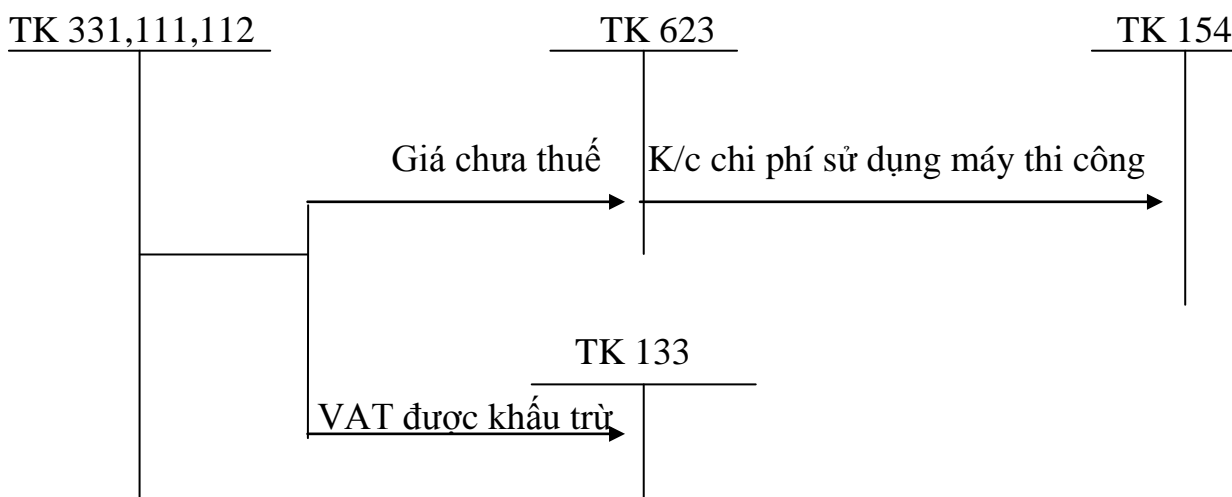
TK 6234 – chi phí khấu hao máy thi công

TK 6237 – chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6238 – chi phí bằng tiền khác

Sơ đồ 1.3 : Trình tự hạch toán chi phí sử dụng máy thi công:

-Trường hợp thuê ngoài



-Trường hợp doanh nghiệp có tổ chức đội máy thi công riêng đồng thời có tổ chức kế toán riêng.

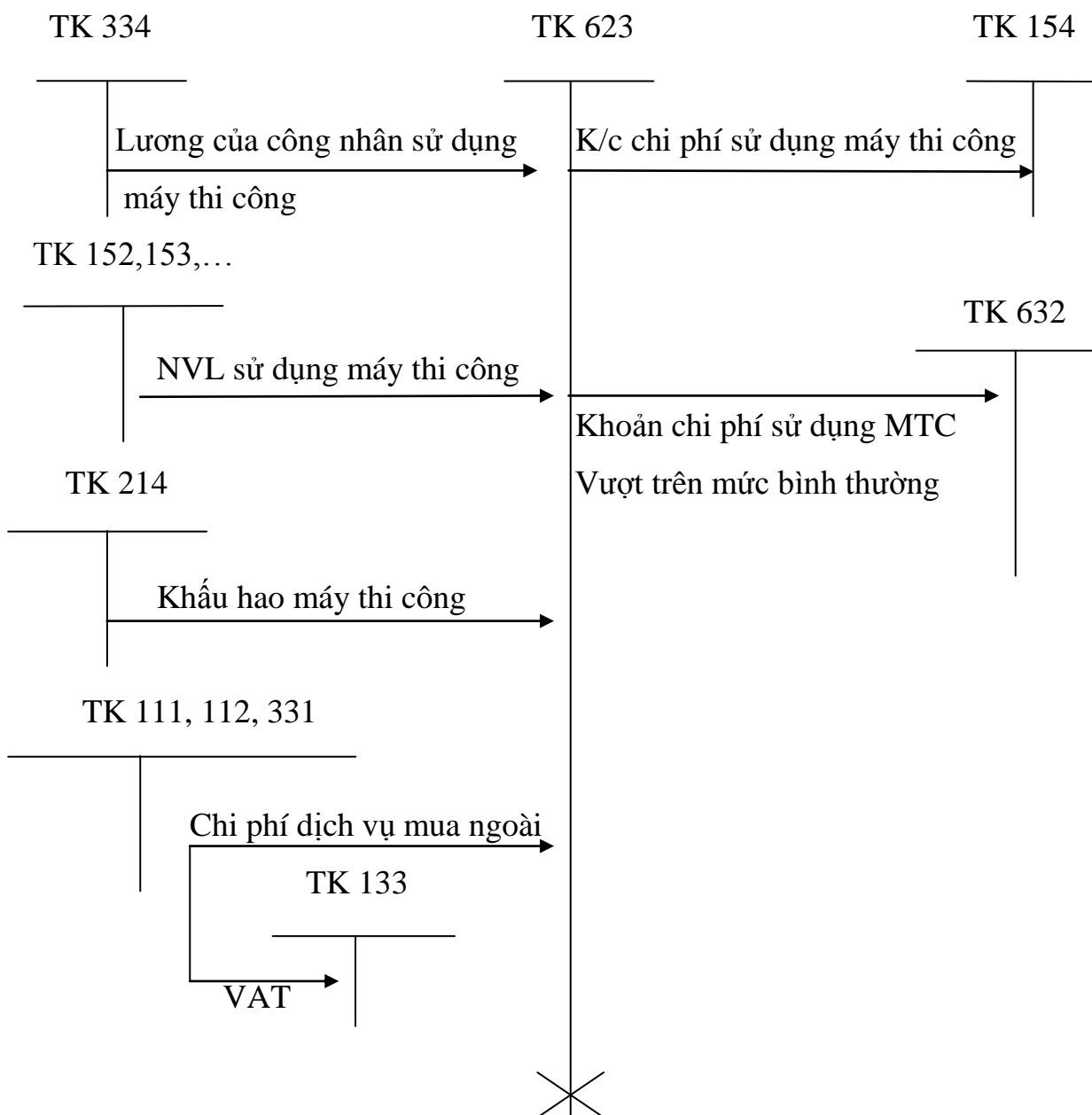
Toàn bộ chi phí liên quan trực tiếp đến đội máy thi công được tập hợp riêng trên các TK 621, TK 622, TK 627. Cuối kỳ kết chuyển vào tài khoản 154 để tính giá thành ca máy. Từ đó xác định giá trị mà đội thi công phục vụ cho từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình).

-Nếu doanh nghiệp thực hiện theo phương thức cung cấp lao vụ máy lẫn nhau giữa các bộ phận

TK có liên quan	TK 621,622,627	TK 154 (CPSDMTC)	TK 623 (6238)
CP phát sinh ở	K/c chi phí	Phân bổ chi CPSDMTC	
đội máy thi công	(cuối kỳ)	cho các đối tượng xây lắp	

-Trường hợp từng đội xây lắp có máy thi công riêng nhưng không tổ chức hệ thống kế toán riêng.

Trường hợp này các chi phí có liên quan đến máy thi công được tập hợp riêng, cuối kỳ phân bổ hoặc kết chuyển theo từng đối tượng (công trình, hạng mục công trình). Chi phí sử dụng máy thi công sẽ hạch toán kế toán theo sơ đồ:



1.4.4. Kế toán chi phí sản xuất chung:

* Nội dung, phương pháp tập hợp :

Chi phí sản xuất chung của hoạt động xây lắp là những chi phí có liên quan đến việc tổ chức, phục vụ và quản lý thi công của các đội xây lắp ở các công trường xây dựng. Chi phí sản xuất chung được tập hợp cho từng đối tượng theo phương pháp gián tiếp.

* Tài khoản sử dụng: Phản ánh chi phí sản xuất chung, kế toán sử dụng TK 627 “Chi phí sản xuất chung”.

TK 627 có 6 tài khoản cấp 2:

TK 6271 – chi phí nhân viên đội sản xuất

TK 6272 – chi phí vật liệu

TK 6273 – chi phí dụng cụ sản xuất

TK 6274 – chi phí khấu hao tài sản cố định

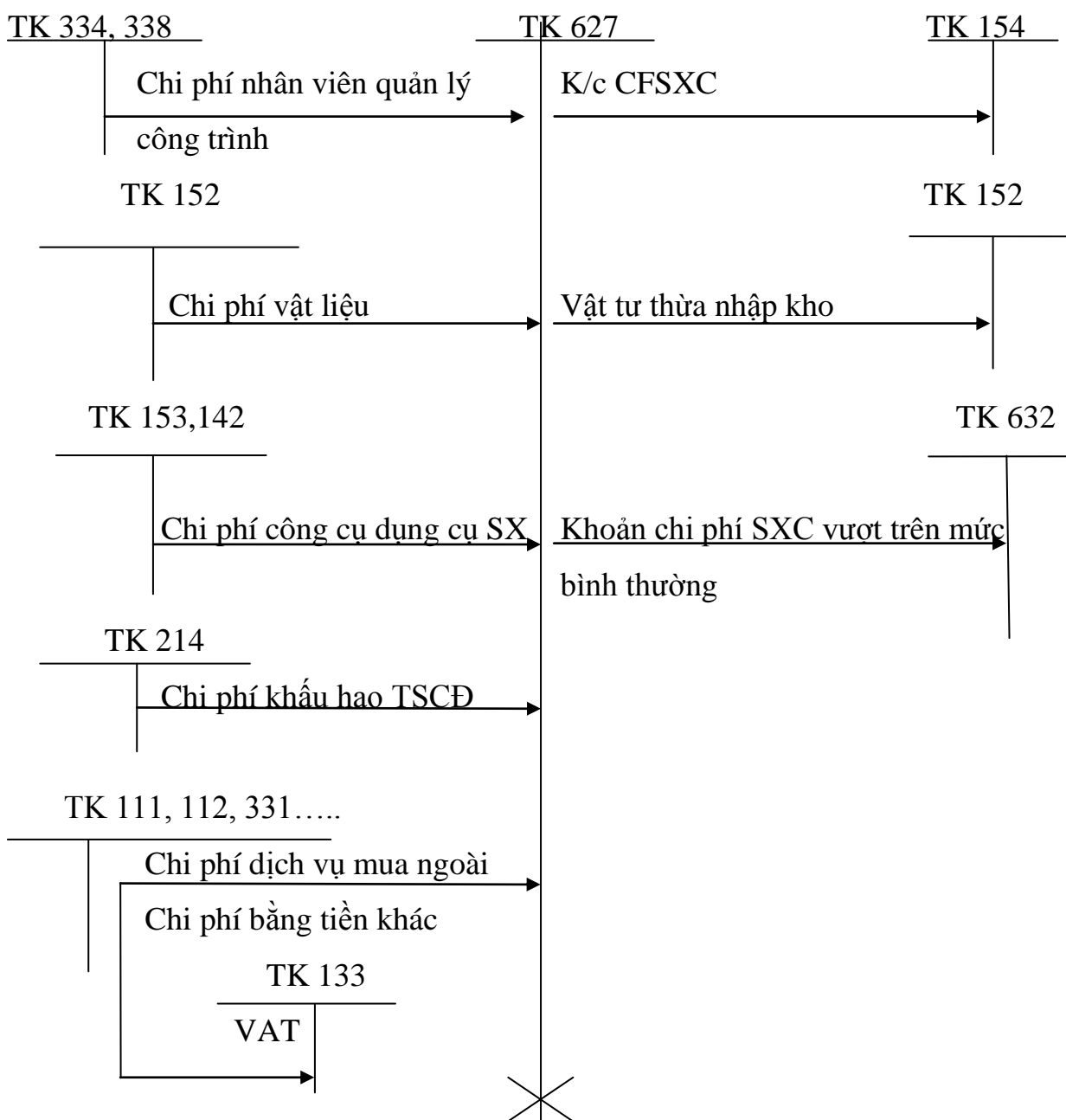
TK 6277 – chi phí dịch vụ mua ngoài

TK 6278 – chi phí bằng tiền khác

- Bên nợ: phản ánh các khoản chi phí sản xuất chung thực tế phát sinh trong kỳ.

- Bên có: kết chuyển chi phí sản xuất chung vào tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

Sơ đồ kế toán chi phí sản xuất chung



1.4.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất:

* Nội dung, phương pháp tập hợp:

Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất để tính giá thành sản phẩm xây lắp thường được tiến hành vào cuối kỳ kế toán hoặc khi công trình hoàn thành toàn bộ, trên cơ sở các bảng tính toán phân bổ các chi phí phát sinh cho các đối tượng tập hợp chi phí đã được xác định. Việc tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành phải thực hiện theo từng công trình, hạng mục công trình và các khoản mục chi phí đã được quy định.

* Tài khoản sử dụng:

Kế toán sử dụng tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”. TK 154 được mở chi tiết theo địa điểm phát sinh chi phí (công trường, phân xưởng...), theo từng công trình, hạng mục công trình hoặc nhóm hạng mục công trình, chi tiết cho từng loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ khác. TK 154 có 4 tài khoản cấp 2:

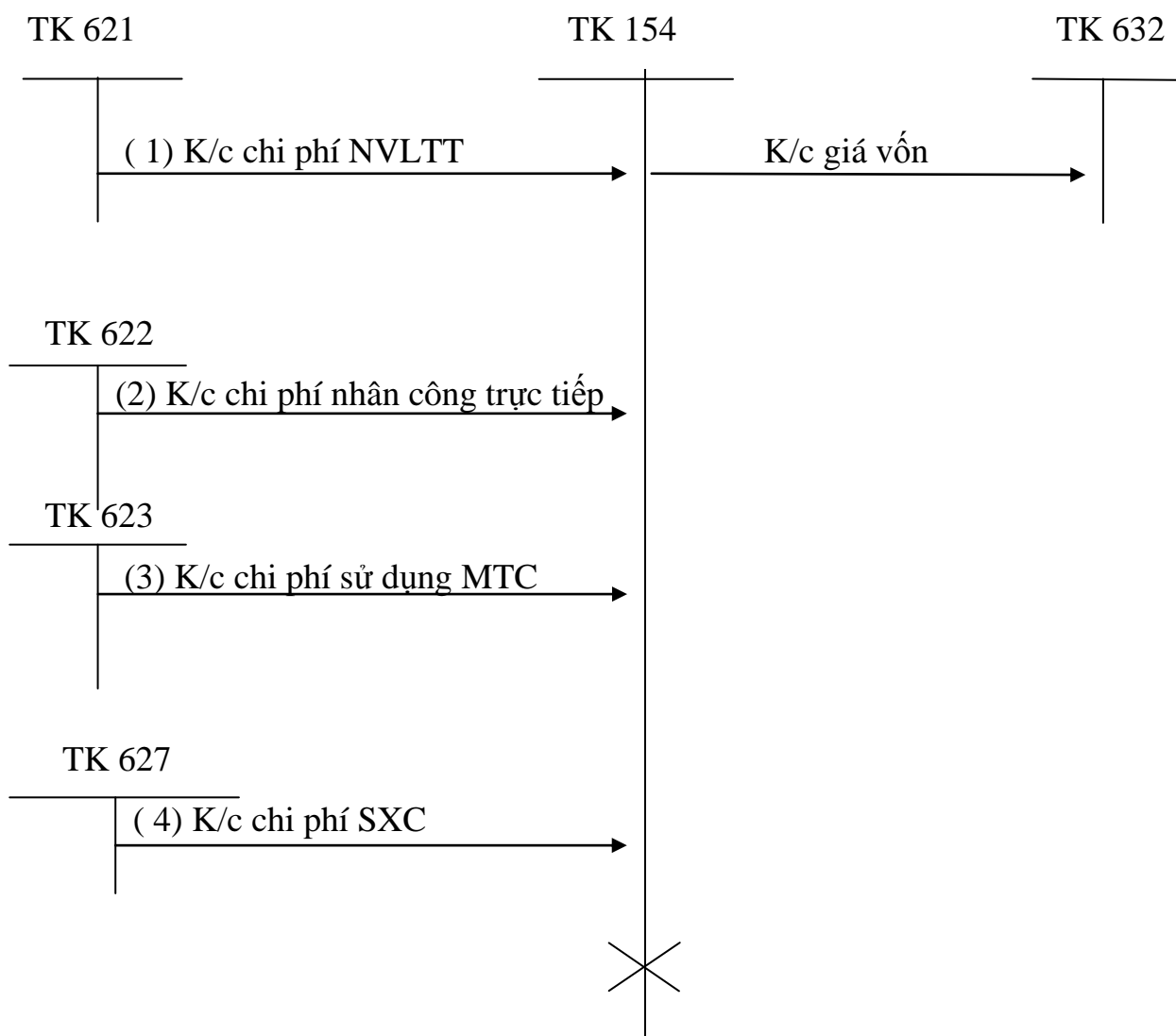
TK 1541 – xây lắp

TK 1542 – sản phẩm khác

TK 1543 – dịch vụ

TK 1544 – chi phí bảo hành xây lắp

**Sơ đồ kế toán tổng hợp chi phí sản xuất theo phương pháp
kê khai thường xuyên**



1.5. Tổ chức hệ thống sổ và báo cáo kế toán về chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm

Sổ kế toán tổng hợp: Tùy theo từng hình thức kế toán mà doanh nghiệp áp dụng, kế toán sẽ tổ chức hệ thống sổ kế toán tương ứng với từng hình thức để thực hiện kế toán các chỉ tiêu tổng hợp về chi phí sản xuất. Nhưng ở hình thức nào cũng có chung hình thức sổ cái tổng hợp, mỗi tài khoản kế toán tổng hợp được mở một sổ cái và nó đều phản ánh một chỉ tiêu về chi phí sản xuất sản phẩm xây lắp. Nó cung cấp các chỉ tiêu thông tin để lập báo cáo tài chính về chi phí giá thành. Cụ thể:

- Theo hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ”, thì sổ kế toán tổng hợp bao gồm sổ đăng ký chứng từ ghi sổ và sổ cái TK 621, TK622, TK 623, TK627, TK 154.

- Theo hình thức kế toán “Nhật ký chứng từ”, hệ thống sổ kế toán tập hợp là các nhật ký chứng từ, sổ cái TK 621, TK622, TK 623, TK 627, TK154, các bảng kê và bảng phân bổ.

- Theo hình thức kế toán “ nhật ký chung”, hệ thống sổ kế toán tổng hợp bao gồm: sổ nhật ký chung, các sổ nhật ký chuyên dùng, sổ cái TK 621, TK 622, TK 623, TK 627, TK 154. Sổ kế toán chi tiết : Tùy theo yêu cầu quản lý của doanh nghiệp về chi phí sản xuất và giá thành mà kế toán sẽ mở các sổ chi tiết để kế toán các chỉ tiêu chi tiết về chi phí sản xuất đáp ứng yêu cầu sử dụng thông tin về các doanh nghiệp. Thông thường mở sổ chi tiết chi phí sản xuất theo từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính thay thế Quyết định số 1141TC/QĐ/CĐKT ngày 01-11-1995 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành “ Chế độ kế toán doanh nghiệp”.

Do đó ta có các hình thức sổ kế toán như sau :

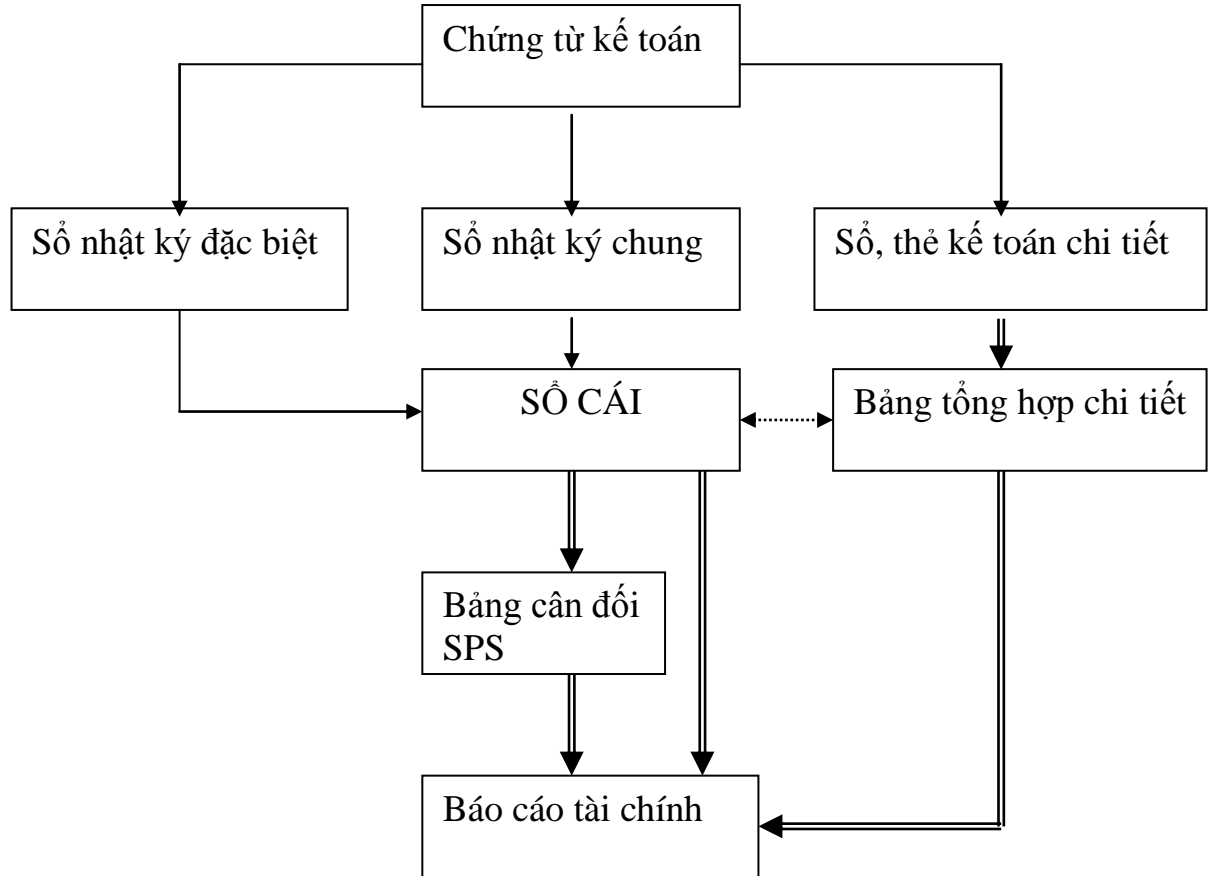
1.5.1. Hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký chung : Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế(định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau :

- Sổ Nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng , hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

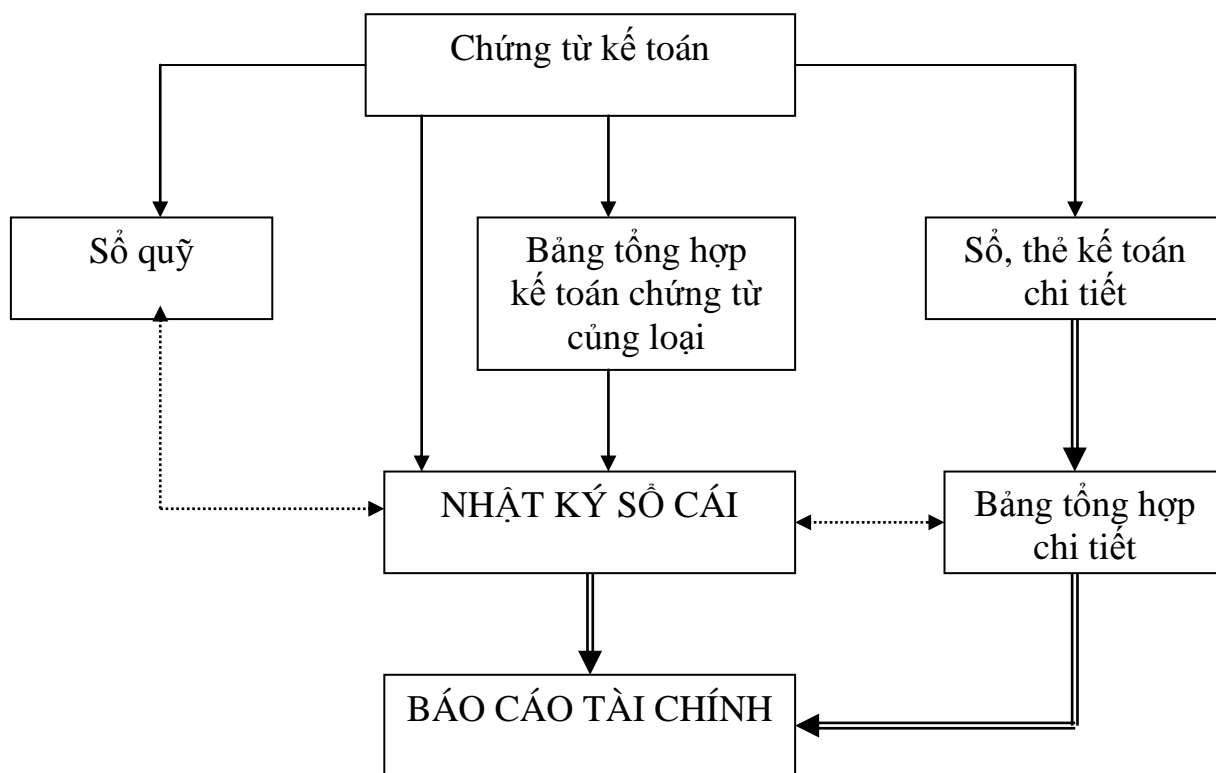
1.5.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái : Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký – Sổ cái. Căn cứ để ghi sổ Nhật ký – Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau :

- Nhật ký – Sổ cái
- Các sổ , thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng , hoặc định kỳ ⇒

Quan hệ đối chiếu kiểm tra ↔

1.5.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ : Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “ Chứng từ ghi sổ”.Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm

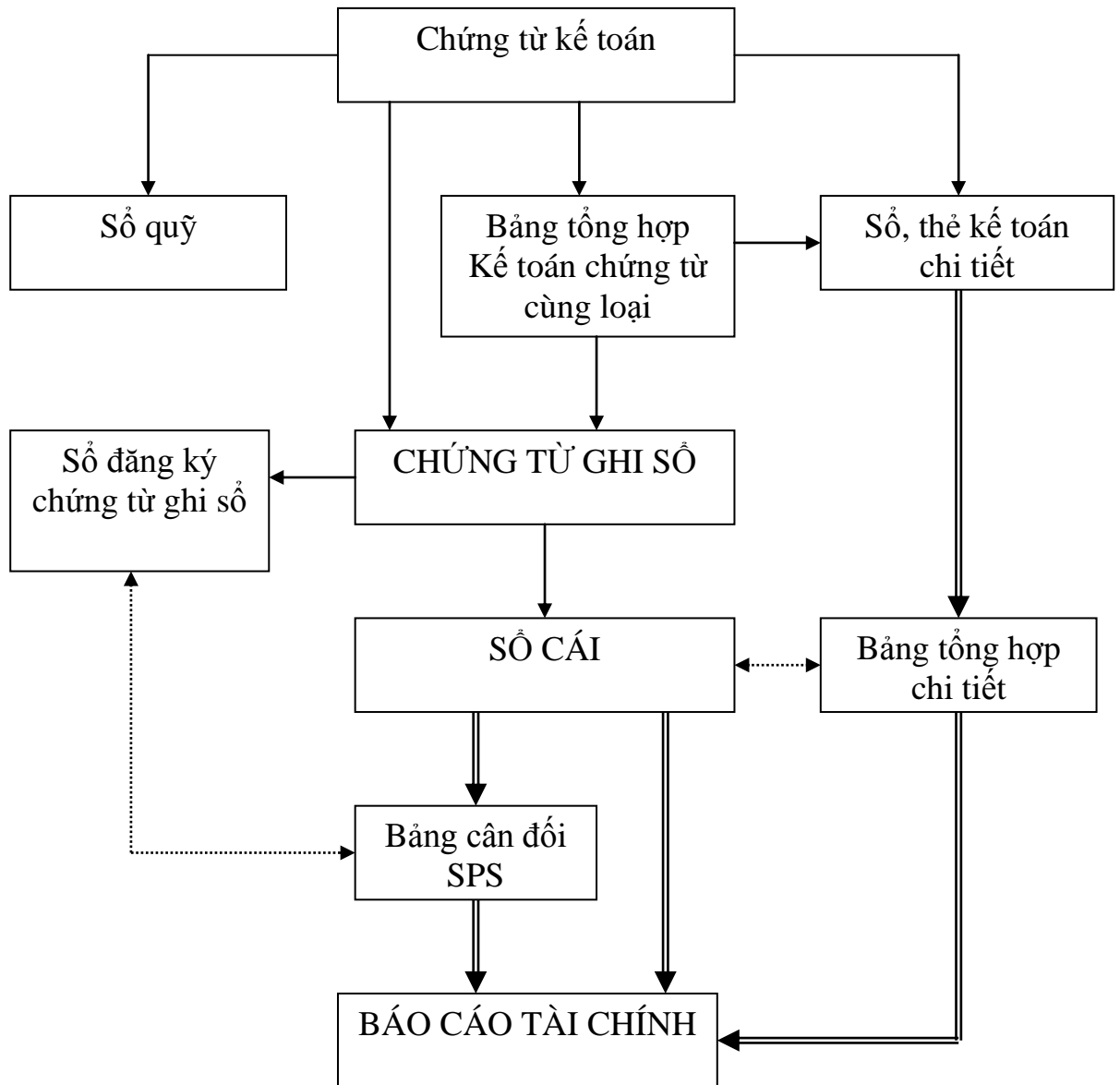
- + Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại , có cùng nội dung kinh tế. Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm , phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau :

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký Chứng từ ghi sổ
- Sổ cái
- Các sổ , thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ



Ghi chú:
 Ghi hàng ngày \longrightarrow
 Ghi cuối tháng , hoặc định kỳ \Longrightarrow
 Quan hệ đối chiếu kiểm tra \longleftrightarrow

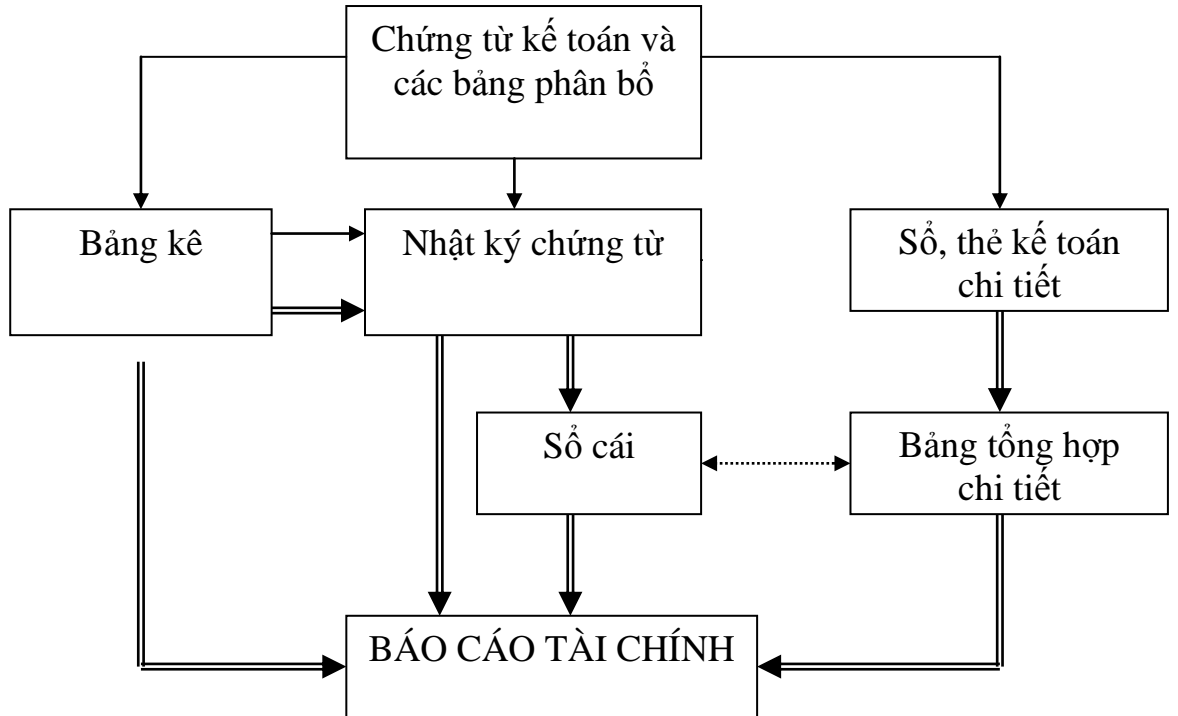
1.5.4 Hình thức sổ kế toán Nhật ký – Chứng từ

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng bên Nợ
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế , tài chính và lập báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ gồm có các loại sổ kế toán sau :

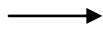
- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ Cái
- Sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký – chứng từ



Ghi chú:

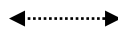
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng , hoặc định kỳ



Quan hệ đối chiếu kiểm tra

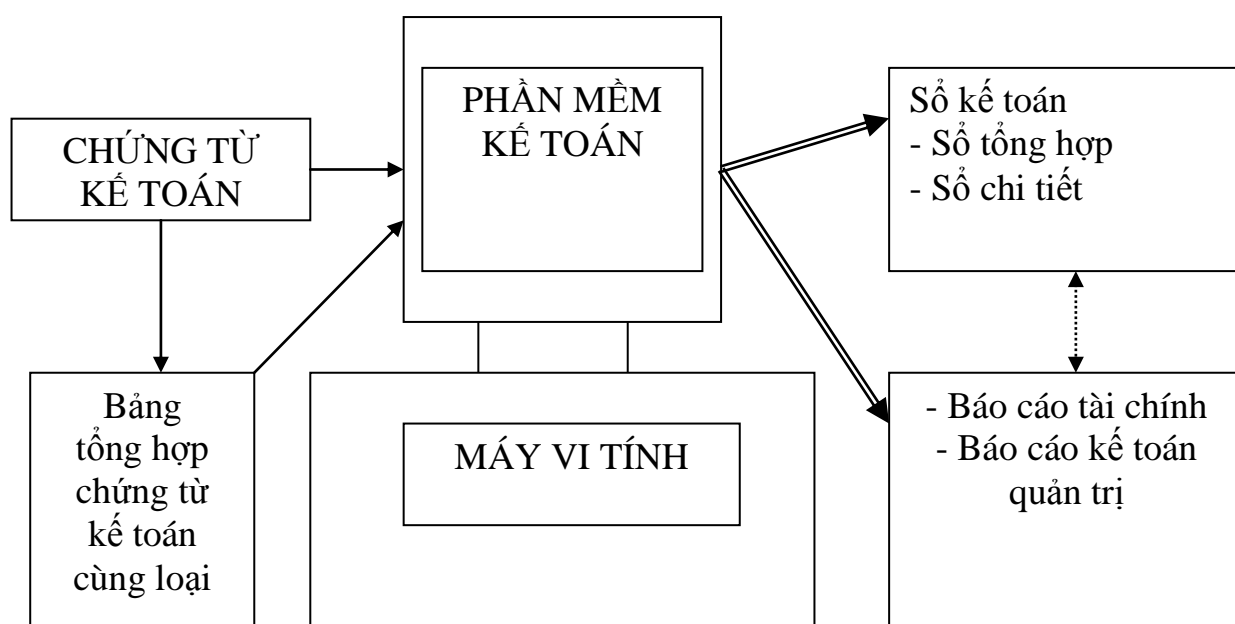


1.5.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của Hình thức kế toán trên máy vi tính : Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày →
- In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm ⇒
- Đối chiếu, kiểm tra ⇄

CHƯƠNG 2**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ
VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ TRANG****2.1. Tổng quan về công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang****2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty**

Tên công ty : Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

Địa chỉ: Số 16 Lê Thánh Tông, Vạn Mỹ, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 031.2221.847

Fax: 031.3533.285

Tài khoản: 263.1100199006

(Ngân hàng TMCP Quân đội – TP Hải Phòng)

Mã số thuế: 0200581175

Giấy phép đăng ký kinh doanh : Số 0203000773 ngày 29/03/2004 và cấp lại ngày 14/04/2008 do phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và đầu tư Hải Phòng cấp.

Vốn điều lệ : 5.000.000.000 đồng

2.1.2 Lĩnh vực kinh doanh:

- Thi công xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, thủy lợi và dân dụng.
- Xây dựng, lắp đặt hệ thống cấp thoát nước.

2.1.3. Thuận lợi, khó khăn**a. Thuận lợi:**

- Doanh nghiệp có vị trí địa lý hết sức thuận lợi, nằm trên đường ra cảng Hải Phòng nơi có nhiều phương tiện giao thông qua lại.

- Công ty có một đội ngũ quản lý kinh tế là cử nhân kinh tế trong các ngành Quản trị doanh nghiệp, Kinh tế tài chính, Kinh tế kế hoạch, khảo sát thiết kế công trình và dịch vụ đầu tư xây dựng. Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật là các kỹ sư có năng lực, trình độ kỹ thuật cao, luôn học hỏi để hoàn thành công việc được giao. Đội ngũ công nhân có tay nghề cao trong các ngành nghề: Nề, mộc, sắt, bê tông, vận hành máy. Điều này góp phần quan trọng giúp công ty ngày càng lớn mạnh và

phát triển. Doanh nghiệp đã tạo dựng được uy tín và mối quan hệ với các nhà cung cấp, các bạn hàng nhằm giữ vững và củng cố vị trí của mình trên thương trường

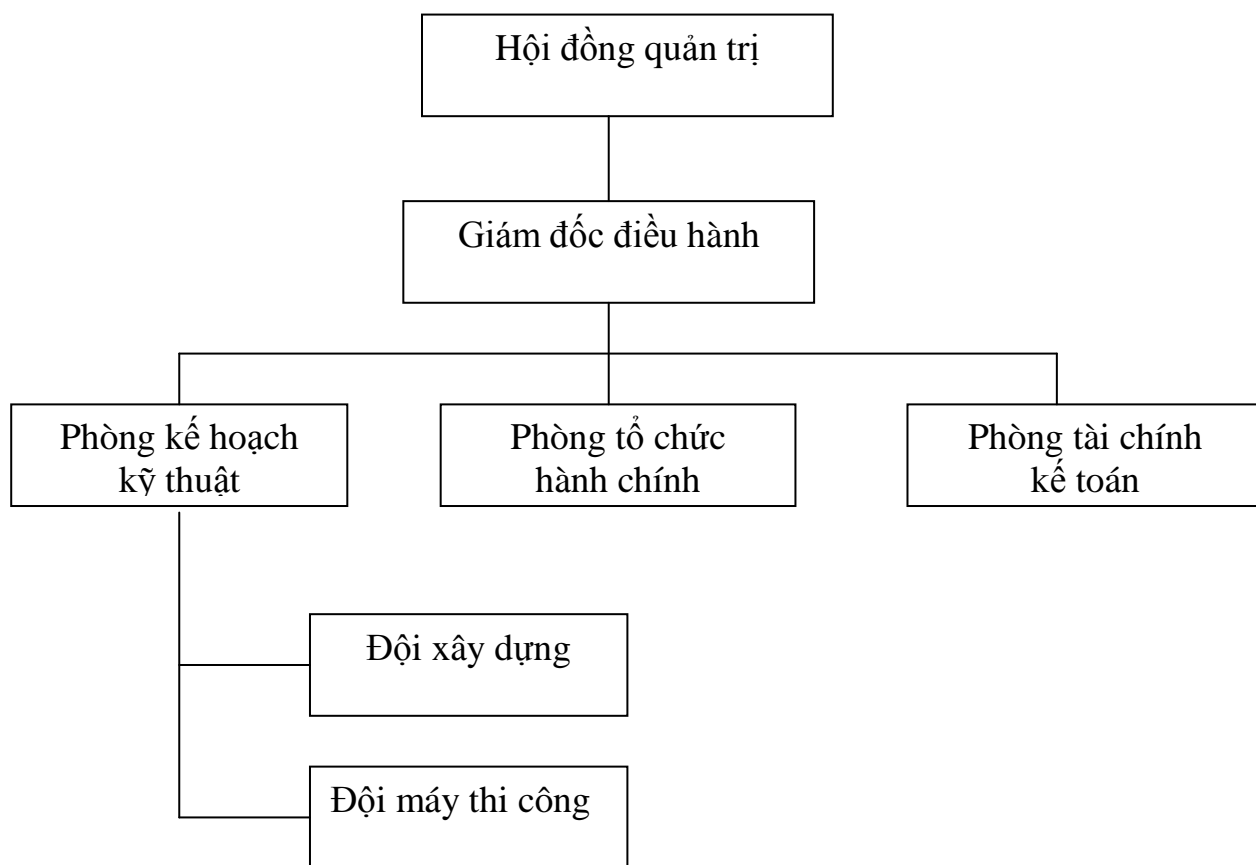
b. Khó khăn: Do mới thành lập nên công ty cũng gặp không ít khó khăn:

- Tình hình kinh tế vĩ mô ảnh hưởng không tốt đến hoạt động của doanh nghiệp làm cho chi phí đầu vào tăng.
- Việc mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh gây khó khăn cho doanh nghiệp huy động và quay vòng vốn.
- Sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành.

2.1.4. Đặc điểm về tổ chức quản lý và tổ chức kinh doanh của công ty

a. Tổ chức quản lý của công ty

Trải qua quá trình hình thành và phát triển, Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý, gọn nhẹ, phù hợp như sau:



Sơ đồ 2.1 : Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

Qua sơ đồ ta thấy chức năng của các phòng ban như sau:

- Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty
- Giám đốc: Có nhiệm vụ quyết định và điều hành chung mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty
- Phòng Tổ chức- Hành chính: Nghiên cứu lập kế hoạch hoạt động chung cho toàn công ty. Quản lý và tổ chức nhân sự trong công ty và thực hiện các công tác lao động tiền lương, BHXH, BHYT. Hỗ trợ các phòng ban khác soạn thảo văn bản, công văn và hồ sơ dự thầu.
- Phòng Kế hoạch- Kỹ thuật: Nghiên cứu hồ sơ thiết kế, lập kế hoạch thi công cho từng công trình, quản lý và giám sát việc thi công về tiến độ và chất lượng thi công, lập dự toán và thiết kế các bản vẽ hồ sơ hoàn công. Giám sát các đơn vị thi công về kỹ thuật và theo đúng thiết kế, có trách nhiệm đảm bảo cho các công trình hoạt động liên tục, quản lý giao nhận vật tư và các trang thiết bị tại công trình, quản lý đội máy thi công. Công ty có tổ chức đội máy thi công riêng.
- Phòng tài chính kế toán: Tổ chức công tác tài chính- kế toán trong công ty. Tập hợp và huy động các nguồn tài chính, quản lý quỹ, thanh toán vật tư và tập hợp các chi phí của từng công trình.

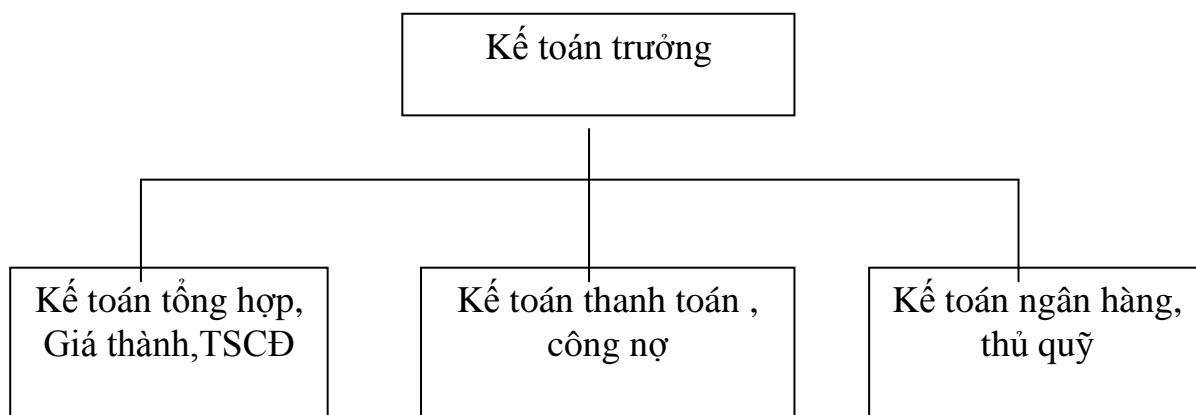
b. Đặc điểm tổ chức hoạt động kinh doanh của công ty

Do đặc điểm của ngành xây dựng hoạt động trên phạm vi rộng nên để đáp ứng được yêu cầu quản lý công ty đã chia công nhân thành đội xây dựng và đội máy thi công với chức năng và nhiệm vụ khác nhau. Khi thi công công trình, tùy theo đặc điểm yêu cầu kỹ thuật của từng công trình mà công ty sẽ giao cho hai đội đảm nhận tiến hành công việc. Thường thì lực lượng lao động ở các đội kết hợp với nhau để thi công một công trình hay hạng mục công trình. Với cơ cấu tổ chức như trên đã tạo điều kiện tổ chức quản lý chặt chẽ về mặt kinh tế, kỹ thuật với từng đội xây dựng, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán, chế độ kế toán tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

a. Đặc điểm tổ chức kế toán

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung, toàn bộ công việc kế toán đều được thực hiện tập trung tại phòng kế toán. Ở các đội có một nhân viên thống kê kế toán có nhiệm vụ ghi chép và thực hiện hạch toán ban đầu, thu thập các chứng từ và gửi về phòng kế toán. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Kế toán trưởng cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng.



Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

Theo mô hình trên, chức năng, nhiệm vụ của từng người như sau:

- Kế toán trưởng (đồng thời là kế toán thuế): Chịu trách nhiệm chung về công tác kế toán của công ty, là người điều hành bộ máy kế toán và trợ giúp giám đốc trong việc cân đối khả năng tài chính, sử dụng vốn kinh doanh có hiệu quả. Xác định các khoản thuế, kê khai thuế và quyết toán thuế với cục thuế theo chế độ quy định, lập báo cáo tài chính.
- Kế toán tổng hợp, giá thành, TSCĐ: Tổng hợp số liệu, chứng từ, xác định kết quả kinh doanh trong từng kỳ, lập bảng lương, theo dõi công tác thu hồi vốn và công nợ các công trình, tổng hợp chi phí và tính giá thành các công trình, theo dõi, phân

bổ và tính khấu hao tài sản cố định của công ty, tập hợp và hạch toán chi phí máy thi công.

- Kế toán thanh toán và theo dõi công nợ: Lập chứng từ thu-chi, thanh toán. Cân đối, lập kế hoạch công nợ và theo dõi, đối chiếu công nợ với khách hàng
- Kế toán ngân hàng- Thủ quỹ: Quản lý tiền mặt, theo dõi và đối chiếu các khoản tiền gửi ngân hàng. Có nhiệm vụ thu chi tiền mặt trên cơ sở những chứng từ hợp lý, hợp pháp đã được duyệt. Ghi sổ quỹ lập báo cáo quỹ cuối ngày cùng với chứng từ gốc nộp lại cho kế toán.

b. Chế độ kế toán áp dụng tại công ty

** Đặc điểm các chứng từ kế toán*

- Công ty hiện đang áp dụng chế độ kế toán áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC
- Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ 01/01 đến hết 31/12 hàng năm)
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam
- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên
- + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Ghi theo giá gốc
- + Phương pháp tính giá trị hàng xuất kho: Tính theo giá đích danh
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định áp dụng: Khấu hao đường thẳng
- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ

** Hệ thống sổ kế toán tại công ty*

- Sổ kế toán tổng hợp: Sổ nhật ký chung, sổ cái các tài khoản.
- + Sổ nhật ký chung: là loại sổ kế toán tổng hợp ghi theo các chứng từ phát sinh trong tháng, có tác dụng đối chiếu với các số liệu ghi ở sổ cái.
- + Sổ cái các tài khoản: là sổ kế toán tổng hợp ghi theo các tài khoản kế toán.
- Sổ chi tiết: sổ chi tiết các tài khoản, sổ chi tiết chi phí sản xuất công trình

** Hình thức kế toán tại công ty*

Để đảm bảo việc tổ chức kế toán phù hợp với quy mô hoạt động kinh doanh của công ty lựa chọn hình thức kế toán “Nhật ký chung” là căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp.

Nguyên tắc, đặc trưng cơ bản của hình thức nhật ký chung

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán Nhật Ký chung: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của DN đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức sổ nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu:

- + Sổ Nhật ký chung, Sổ nhật ký đặc biệt
- + Sổ cái
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- + Bảng tổng hợp chi tiết

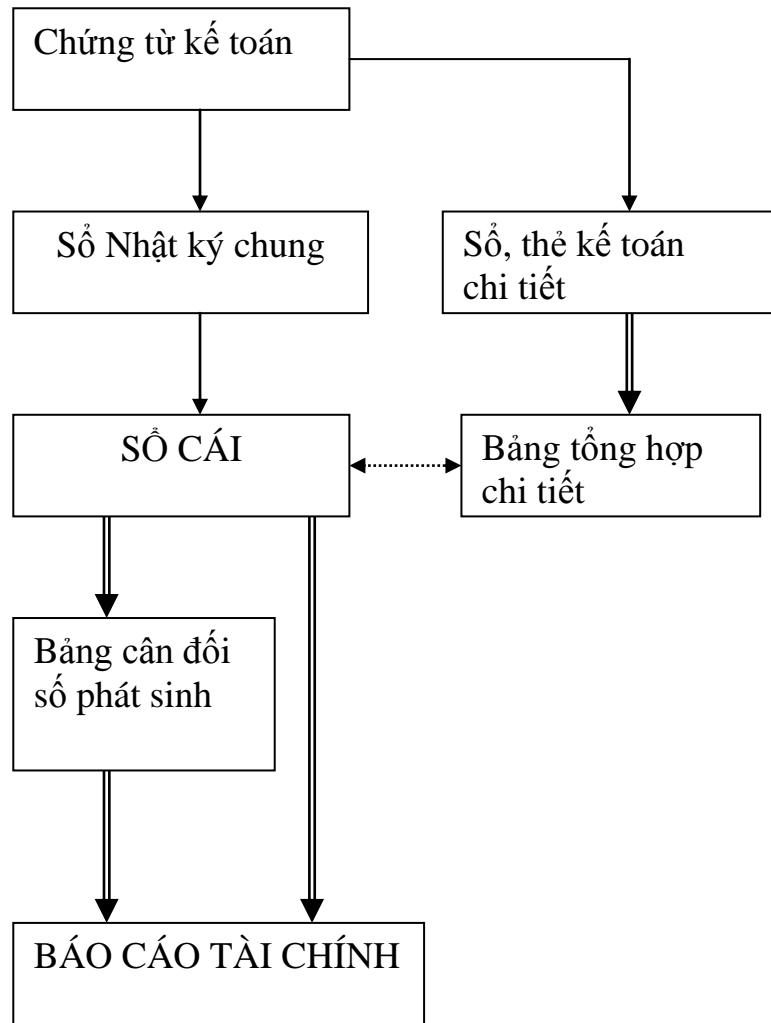
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập các báo cáo tài chính.

Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và tổng số phát sinh Có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung cùng kỳ.

Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú :

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

2.2 Nội dung tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

2.2.1. Phân loại chi phí

Để tiến hành sản xuất kinh doanh, công ty phải bỏ ra những chi phí sản xuất bao gồm chi phí NVL, chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung. Vậy để quản lý chặt chẽ những khoản chi phí trên công ty phải tiến hành phân loại từng nhân tố sản xuất trong cơ cấu giá thành mới đảm bảo phù hợp với yêu cầu quản lý.

Các công trình trước khi bước vào thi công, phòng Kế hoạch kỹ thuật phải lập dự toán thiết kế trình lên các cấp xét duyệt và phân cấp, từ đó làm cơ sở để lập hợp đồng kinh tế. Các dự toán công trình xây dựng được lập theo từng hạng mục công trình và được phân tích theo từng khoản mục chi phí. Nên việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cũng phải phân tích theo từng khoản mục chi phí. Từ đó làm cơ sở so sánh kiểm tra việc thực hiện các khoản mục chi phí với từng khoản mục giá thành dự toán và giúp cho việc phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh trong kì.

Cũng như các doanh nghiệp xây lắp khác Công ty phân loại chi phí theo 4 khoản mục như sau:

- **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** bao gồm nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng được sử dụng phục vụ cho thi công công trình xây lắp trong công ty. Các loại vật liệu sử dụng phục vụ cho thi công công trình thường được mua từ bên ngoài về nhập kho. Còn riêng một số vật liệu như: đá, cát sỏi thi được mua và vận chuyển tới tại công trình.
- **Chi phí nhân công trực tiếp:** Chi phí nhân công trực tiếp bao gồm các khoản tiền lương, tiền công của công nhân trực tiếp sản xuất tại công trình được trả theo lương sản phẩm. Việc tính đầy đủ các chi phí nhân công, phân phối tiền lương hợp lý sẽ khuyến khích cho người lao động tăng năng xuất, chất lượng hiệu quả công việc cao hơn.
- **Chi phí sử dụng máy thi công:** bao gồm toàn bộ các chi phí có liên quan đến việc sử dụng máy thi công.

➤ **Chi phí sản xuất chung:** Chi phí sản xuất chung được tính trong giá thành sản phẩm bao gồm những chi phí phục vụ cho quá trình sản xuất chung mang tính chất chung của toàn đội. Bao gồm các chi phí liên quan đến quản lý, chi phí sửa chữa bảo quản máy móc thi công, chi phí dịch vụ mua ngoài như điện, nước, ở các đội sản xuất với tính chất chi phí phát sinh chung toàn đội nên đối tượng chịu chi phí là tất cả các công trình, do đó để hạch toán chi tiết xác định chi phí sản xuất chung cho từng công trình, kế toán tiến hành phân bổ theo tiêu thức thích hợp.

2.2.2. Đối tượng, phương pháp tập hợp chi phí sản xuất

*** Đối tượng tập hợp chi phí:**

Đối tượng tập hợp chi phí để tính giá thành cho các công trình xây lắp là từng công trình và hạng mục công trình.

*** Phương pháp tập hợp chi phí:**

Công ty sử dụng phương pháp tập hợp chi phí trực tiếp. Các chi phí liên quan đến đối tượng nào thì tập hợp theo đối tượng đó, còn với các chi phí phát sinh chung cho các đối tượng thì được tập hợp chung, cuối kỳ kế toán sẽ tiến hành phân bổ theo các tiêu thức như: chi phí nhân công trực tiếp, giá thành dự toán...

*** Đối tượng tính giá thành :** công trình, hạng mục công trình xây lắp.

*** Kỳ tính giá thành:** Kỳ tính giá thành của công ty được xác định là từ khi công trình thi công cho đến khi công trình hoàn thành bàn giao.

***Phương pháp tính giá thành:**

Công ty tính giá thành theo phương pháp giản đơn:

			Chi phí thực tế		Chi phí thực tế
Giá thành thực tế	Chi phí thực tế		khối lượng		khối lượng
khối lượng xây lắp	= của khối lượng	+	xây lắp	-	xây lắp
hoàn thành bàn giao	xây lắp DDĐK		phát sinh trong kỳ		DDCK

2.2.3. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:*2.2.3.1. Nội dung Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp*

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là các nguyên vật liệu được sử dụng trực tiếp để xây dựng công trình. Căn cứ vào đặc điểm của từng công trình.

- NVL chính bao gồm: Sắt, thép, xi măng, gạch, cát, sỏi, đá, vôi, đất.
- NVL phụ bao gồm: Sơn, đinh, bu lông, ốc vít.

Giá thực tế của NVL = Giá mua ghi trên hoá đơn + chi phí thu mua

* Phương pháp tập hợp theo Phương pháp tập hợp trực tiếp: Là chi phí trực tiếp nên được tập hợp trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình. Trên cơ sở các chứng từ gốc phản ánh số lượng, giá trị vật tư xuất cho công trình, hạng mục công trình đó.

2.2.3.2. Chứng từ sử dụng để hoạch toán

- Khi xuất kho vật liệu dùng cho sản xuất thi công thường sử dụng các chứng từ: Phiếu giao nhận vật tư, phiếu xuất kho.
- Khi mua vật liệu về sử dụng ngay không qua kho: Hoá đơn bán hàng, hoá đơn giá trị tăng.

2.2.3.3. Tài khoản hạch toán

Chi phí NVL trực tiếp được kế toán công ty hạch toán trên Tài khoản 621

Bên Nợ : - Giá thực tế của NVL trực tiếp xuất dùng, mua dùng thẳng.

Bên có: - Trị giá NVL dùng không hết nhập lại kho

- Trị giá phế liệu thu hồi bán thẳng
- Kết chuyển chi phí NVL thực tế đã sử dụng vào công trình

Tại công ty, tài khoản 621 được mở chi tiết cho từng công trình:

- Công trình đường công vụ hộ đê Văn Chấn Hoàng Châu- Cát Hải
- Công trình kênh thoát nước Dự án khu tổ hợp sân GOLF Sông Giá....

2.2.3.4 Trình tự hạch toán

Ví dụ : Ngày 10/12/2010 xuất 30 tấn Xi măng PCB 30 cho công trình đường công vụ hộ đê Văn Chấn.

Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 2.1), từ phiếu xuất kho vào sổ NKC (Biểu 2.2) sau đó vào sổ Cái TK 621 (Biểu 2.3).

Biểu 2.1

Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S02-VT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

(Trích)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Số: 800

Nợ 621

Có 152

Họ tên người nhận : Trần Xuân Hải

Lý do xuất kho : Đường công vụ hộ đê Văn Chấn

Xuất tại kho: ...Địa điểm: Đường công vụ hộ đê Văn Chấn

TT	TÊN HÀNG	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Xi măng PCB30	Tấn	30	840.000	25.200.000	
2						
5						
	Cộng				25.200.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Hai mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng chẵn

Ngày 10 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu Người nhận hàng Thủ kho Kế toán trưởng Giám đốc
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu 2.2

Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích)

Năm 2010

Đơn vị : đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	TK ĐƯ	SPS	
	SH	NT					Nợ	Có
...
10/12	PX 800	10/12	Xuất xi măng làm đường VC	X X	1561 1562	621 152	25.200.000	25.200.000
...
20/12	3024	20/12	Mua cát làm đường VC	X X X	1652 1653 1654	621 133 331	15.000.000 1.500.000	16.500.000
20/12	3025	20/12	Mua đá làm đường VC	X X X	1655 1656 1657	621 133 331	8.600.000 860.000	9.460.000
...
31/12		31/12	K/ c CPNVTT đường VC	X X	1723 1724	154 621	630.000.000	630.000.000
...
			Cộng SPS				66.630.646.415	66.630.646.415

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.3 :

Đơn vị: Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
 Địa chỉ: Số 16, Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
 QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20 tháng 03 năm 2006
 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 621 (Trích)
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
Công trình : Đường công vụ Văn Chấn
Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
...
10/12	PX 800	10/12	Xuất xi măng làm đường Văn Chấn	152	25.200.000	
....
20/12	3024	20/12	Mua cát làm đường Văn Chấn	331	15.000.000	
20/12	3025	20/12	Mua cát làm đường Văn Chấn	331	8.600.000	
.....
31/12		31/12	K/C chi phí NVLTT đường Văn Chấn	154		630.000.000
			Cộng phát sinh		630.000.000	630.000.000
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010.
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.4

Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI (Trích)

Năm 2010

Tài khoản – Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Số hiệu: TK 621

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
...
10/12	PX 800	10/12	Xuất xi măng làm đường Văn Chấn	152	25.200.000	
....
20/12	3024	20/12	Mua cát làm đường Văn Chấn	331	15.000.000	
20/12	3025	20/12	Mua cát làm đường Văn Chấn	331	8.600.000	
.....
31/12		31/12	K/C chi phí NVLTT đường Văn Chấn	154		630.000.000
			Cộng phát sinh		3.465.000.000	3.465.000.000
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp

**Nội dung của Chi phí nhân công trực tiếp*

- Lao động trực tiếp xây lắp tại công ty chỉ bao gồm lao động trong danh sách. Công ty không thuê ngoài công nhân trực tiếp xây lắp. Khoản mục chi phí nhân công trực tiếp xây lắp của công ty chỉ bao gồm:

Tiền lương phải trả cho công nhân trực tiếp xây lắp.

- Công ty không trích các khoản trích theo lương theo quy định

- Tại công ty áp dụng 2 hình thức trả lương: lương khoán và lương thời gian.

➤ Lương thời gian được áp dụng cho bộ máy quản lý chỉ đạo thi công được hạch toán vào TK 627 “ Chi phí sản xuất chung ”.

➤ Lương khoán được áp dụng cho các bộ phận trực tiếp thi công xây dựng công trình trong danh sách công ty theo khối lượng công việc hoàn thành.

$$\text{Tiền lương} = \frac{\text{Khối lượng công việc}}{\text{hoàn thành}} \times \text{Đơn giá tiền lương giao khoán}$$

khoản phải trả

$$\text{Số tiền công thực lĩnh của một công nhân} = \frac{\text{Tiền lương khoản phải trả}}{\text{Tổng số công của toàn đội}} \times \text{Số công của một công nhân}$$

** Chứng từ sử dụng:*

+ Bảng xác nhận khối lượng công việc hoàn thành

+ Bảng chấm công : Mẫu số 01- LĐTL (BB).

+ Bảng thanh toán tiền lương : Mẫu số 02- LĐTL (BB).

** Tài khoản sử dụng:*

Kế toán hạch toán Chi phí nhân công trực tiếp trên tài khoản 622 "Chi phí nhân công trực tiếp". Tài khoản này được mở chi tiết theo từng công trình, hạng mục công trình.

Bên Nợ: Tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Bên Có: Kết chuyển và phân bổ chi phí NCTT theo từng công trình,

Cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ chi phí nhân công trực tiếp cho các công trình, hạng mục công trình

Nợ TK 154- chi phí SXKD DD

Có TK 622- chi phí nhân công trực tiếp

Ví dụ:

Trong tháng 12 năm 2010, đội thi công đã hoàn thành khối lượng công việc theo bảng sau:

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ TRANG

Địa chỉ: Số 16, Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

CÔNG TRÌNH : Đường công vụ hộ đê Văn Chân

Tháng 12 năm 2010

Tên công việc	Đơn vị tính	Đơn giá giao khoán	Khối lượng công việc hoàn thành trong tháng	Lương khoán toàn đội thi công được nhận
Làm đá đệm móng	M ²	60.000đ/m ²	567	34.020.000
Bê tông móng	M ³	50.000đ/ m ³	200,9	10.045.000
Xây đá học, vữa xi măng	M ³	55.000đ/ m ³	711,75	39.146.250
Tổng				83.211.250

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tổ trưởng sản xuất

Phòng kế hoạch kỹ thuật

Phòng kế toán duyệt

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng chấm công (biểu số 2.5) và bảng xác nhận khối lượng công việc hoàn thành của đội xây dựng để lập bảng thanh toán lương (biểu số 2.6).

Từ các bảng này làm căn cứ ghi sổ nhật ký chung (biểu số 2.7) và sổ chi tiết Tài khoản 622 (biểu số 2.8)

Từ Sổ nhật ký chung vào sổ cái TK 622 (biểu số 2.9). Cách tính lương cho công nhân trong đội như sau: Toàn đội thi công có 20 công nhân trực tiếp xây lắp, tổng số công trong tháng là 560 công.

$$\text{Số tiền lương của 1 công} = \frac{83.211.250}{560} \approx 148.592 \text{ đồng}$$

Căn cứ vào số công của từng công nhân để tính lương cho từng người.

Biểu số 2.5 :

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

Địa chỉ: Số 16, Ngô Quyền, Hải Phòng

**BẢNG CHẤM CÔNG (Trích)
CÔNG TRÌNH : Đường công vụ hộ đê Văn Chấn
Tháng 12 năm 2010**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày trong tháng							Tổng số công	Quy ra công	
			1	2	3	4	5	...	31		Số công hưởng lương khoán	Số công hưởng lương thời gian
1	Ngô Văn Tài	CNTTXL	x	x	x	x	x	...	x	28	28	-
2	Lê Văn Hòa	CNTTXL	x	x	x	x	x	...	x	28	28	-
3	Vũ Thanh Tâm	CNTTXL	x	x	x	x	x		x	28	28	-
4	Trần Huy Thái	CNTTXL	x	x	x	x	x		x	28	28	-
5	Đỗ Văn Thanh	CNTTXL	x	x	x	x	x		x	28	28	-
...
	Cộng									560	560	-

Tổ trưởng sản xuất

Phòng xây dựng

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Phòng kế toán duyệt

Biểu số 2.6 :

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

Địa chỉ: Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG (Trích)
Tháng 12 năm 2010
Công trình : Đường công vụ hộ đê Văn Chấn

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Lương khoán			Tiền lương quản lý cho tổ trưởng, tổ phó	THANH TOÁN		
			CÔNG	ĐƠN GIÁ (đồng)	SỐ TIỀN		Trừ tiền bảo hiểm	Còn lại	Ký nhận
1	Ngô Văn Tài	CNTTXL	28	148.592	4.160.576			4.160.576	
2	Lê Văn Hòa	CNTTXL	28	148.592	4.160.576			4.160.576	
3	Vũ Thanh Tâm	CNTTXL	28	148.592	4.160.576			4.160.576	
4	Trần Huy Thái	CNTTXL	28	148.592	4.160.576			4.160.576	
5	Đỗ Văn Thanh	CNTTXL	28	148.592	4.160.576			4.160.576	
...	
	Tổng cộng		560	148.592	83.211.250			83.211.250	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Tổ trưởng sản xuất

Phòng xây dựng

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

Giám đốc duyệt

Biểu 2.7

Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích)

Năm 2010

Đơn vị : Đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
...
31/10	BL10 VC	31/10	Tiền lương công nhân Văn Chấn	X X	1563 1564	622 334	80.152.500	80.152.500
30/11	BL11 VC	30/11	Tiền lương công nhân Văn Chấn	X X	1565 1566	622 334	85.350.500	85.350.500
31/12	BL12 VC	31/12	Tiền lương công nhân Văn Chấn	X X	1567 1568	622 334	83.211.250	83.211.250
...
31/12		31/12	K/ chuyển CPNCTT đường VC	X X	1596 1597	154 622	248.714.250	248.714.250
...
			Cộng SPS				66.630.646.415	66.630.646.415

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.8 :

Đơn vị: Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
 Địa chỉ: Số 16, Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
 QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20 tháng 03 năm 2006
 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 622 (Trích)

Chi phí nhân công trực tiếp

*Công trình : Đường công vụ Văn Chấn
 Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010*

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số phát sinh			
BL10 VC	31/10	Lương T10/2010 công trình hộ đề Văn Chấn	334	80.152.500	
BL11 VC	30/11	Lương T11/2010 công trình hộ đề Văn Chấn	334	85.350.500	
BL12 VC	31/12	Lương T12/2010 công trình hộ đề Văn Chấn	334	83.211.250	
	31/12	Kết chuyển chi phí nhân công trực tiếp công trình hộ đề VC	154		248.714.250
		Cộng SPS		248.714.250	248.714.250

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010.
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9 :

Đơn vị: Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Địa chỉ: Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI TK 622 (trích)

Năm 2010

Tên tài khoản: chi phí nhân công trực tiếp

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		- Số dư đầu kỳ			-
		- Số phát sinh trong kỳ			
...
BTTL10 SG	31/10	Lương phải trả công nhân công trình sân GOLF T10/2010	334	19.480.000	
	31/10	K/chuyển chi phí NCTT công trình Sân GOLF T12/2010	154		19.480.000
BL12 VC	31/12	Lương phải trả công nhân công trình Văn Chấn T12/2010	334	83.211.250	
...
	31/12	Kết chuyển chi phí NCTT công trình hộ đề Văn Chấn	154		248.714.250
		- Cộng số phát sinh		1.367.928.375	1.367.928.375
		- Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán chi phí sử dụng máy thi công

2.2.5.1. Phương thức tổ chức đội máy thi công

Trong doanh nghiệp xây lắp thì máy thi công bao gồm các phương tiện, máy móc, thiết bị phục vụ trực tiếp cho quá trình thi công. Đây là một trong những bộ phận không thể thiếu được trong quá trình thi công và chiếm một tỉ lệ không nhỏ trong tổng giá trị tài sản của công ty. Không những thế nó còn giúp công ty đẩy nhanh tiến độ thi công, nâng cao chất lượng công trình cũng như giảm một lượng hao phí nhân công đáng kể.

Hiện nay, công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang có khá nhiều loại máy thi công như: Máy xúc KOBELCO, máy ủi KOMATSU, dàn bom cát, máy nổ 24, máy trộn bê tông, máy cắt bê tông, máy xúc đào...có thể đáp ứng yêu cầu kỹ thuật thi công các công trình mà công ty đảm nhận. Công ty có tổ chức đội máy thi công riêng nhưng không tổ chức hệ thống kế toán riêng. Chi phí sử dụng máy thi công của công trình nào thì được tập hợp trực tiếp vào công trình đó. Những chi phí sử dụng máy thi công liên quan đến nhiều công trình trong tháng sẽ được phân bổ theo số ca máy hoạt động trong tháng theo công thức sau:

$$\text{Chi phí phân bổ cho 1 công trình} = \frac{\text{Số ca máy của công trình cần phân bổ}}{\text{Tổng số ca máy của tất cả các công trình}} \times \text{Tổng chi phí sử dụng máy thi công của tất cả các công trình}$$

2.2.5.2. Chứng từ hạch toán

Đối với các khoản chi phí sử dụng máy thi công, kế toán ghi sổ dựa vào: Hoá đơn GTGT, phiếu chi, bảng quyết toán nhiên liệu và các chứng từ liên quan khác. Sau khi kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các chứng từ, kế toán sẽ tiến hành vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái.

2.2.5.3. Tài khoản hạch toán

Kê toán hạch toán Chi phí máy thi công trên Tài khoản 623 : “CP máy thi công”

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sử dụng máy thi công thức tế phát sinh.

Bên Có: Phân bổ và kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công cho các công trình, hạng mục công trình.

2.2.5.4. Trình tự hạch toán

- Chi phí sử dụng máy thi công có liên quan đến công trình nào thì hạch toán cho công trình đó, nhân công vận hành máy, khấu hao máy thi công ... phân bổ theo ca máy.

- Các chi phí sử dụng máy thi công trong doanh nghiệp xây lắp là toàn bộ chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình sử dụng máy thi công để thực hiện khối lượng công việc xây lắp bằng máy theo phương pháp thi công hỗn hợp. Chi phí sử dụng máy thi công bao gồm các khoản :

+ Chi phí nhân công lái máy tại công trình :

Nợ TK 623 (6231)- chi phí nhân công

Có TK 334- Lương công nhân sử dụng máy thi công

+ Chi phí xăng, dầu chạy máy thi công tại công trình, trường hợp vật liệu được lấy từ kho

Nợ TK 623 (6232)- chi phí vật liệu

Có TK 152- Nguyên vật liệu

+ Chi phí xăng, dầu chạy máy thi công tại công trình, trường hợp vật liệu mua ngoài xuất dùng thẳng cho công trình :

Nợ TK 623 (6232) : Chi phí vật liệu

Nợ TK 133 : Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 3311 : Tiền mặt, Phải trả người bán

+ Trích khấu hao Máy thi công dùng cho thi công tại công trình:

Nợ TK 623 (6234)- chi phí khấu hao TSCĐ

Có TK 214- khấu hao TSCĐ.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho máy thi công tại công trình :

Nợ TK 623 (6237)- chi phí dịch vụ mua ngoài

Nợ TK 133- Thuế GTGT đầu vào

Có TK 111, 3311- Tiền mặt, Phải trả người bán

+ Cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ chi phí sử dụng máy thi công cho các đối tượng tập hợp chi phí:

Nợ TK 154- CP SXKD DD

Có TK 623- chi phí máy thi công

Ví dụ :

Ngày 15/ 12/2010 xuất 20 lít dầu Diesel để chạy máy thi công tại công trình Đường công vụ hộ đê Văn Chấn.

Kế toán căn cứ vào phiếu xuất kho (Biểu 2.10) vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.11) và sổ chi tiết tài khoản 623 (Biểu 2.12) cho công trình Đường công vụ Văn Chấn, từ sổ Nhật ký chung vào Sổ cái TK 623 (Biểu 2.13)

Biểu 2.10

Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S02-VT Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO (Trích)

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Số 806

Nợ 623

Có 152

Họ tên người nhận : Trần Xuân Hải

Lý do xuất kho : Xuất dầu cho công trình Đường công vụ

Xuất tại kho: ... Địa điểm: Đường công vụ hộ đê Văn Chấn

TT	TÊN HÀNG	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
1	Dầu Diesel	Lít	20	10.000	200.000	
2						
5						
	Cộng				200.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ) : Hai trăm nghìn đồng chẵn

Ngày 15 tháng 12 năm 2010

Người lập phiếu

(Ký, họ tên)

Người nhận hàng

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

Biểu 2.11

Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN Ban hành theo QĐ
số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích)

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	TK ĐƯ	SPS	
	SH	NT					Nợ	Có
...
15/12	PX 806	15/12	Xuất dầu chạy máy đường VC	X X	1861 1862	6232 152	200.000	200.000
...
20/12	HĐ 593	20/12	Thuê đầm dùi 1.5 KW đường VC	X X X	1903 1904 1905	623 133 111	2.000.000 200.000	2.200.000
...
30/12	BTH VC	30/12	Lương công nhân lái máy VC	X X	1906 1907	6231 334	28.000.000	28.000.000
...
31/12		31/12	Kết chuyển CPSDMTC đường VC	X X	1923 1924	154 623	130.356.381	130.356.381
...
			Cộng SPS				66.630.646.415	66.630.646.415

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.12

Đơn vị: Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Địa chỉ: Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 623 (Trích)

Chi phí sử dụng máy thi công

Công trình: Đường công vụ hộ đê Văn Chấn

Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
PX 806	15/12	Xuất dầu chạy máy VC	152	200.000	
HĐ 593	20/12	Thuê đầm dùi 1.5 KW đường VC	111	2.000.000	
...
BTHVC	30/12	Lương công nhân lái máy Văn Chấn	334	28.000.000	
...
	31/12	Kết chuyển chi phí sử dụng máy thi công công trình đường Văn Chấn	154		130.356.381
		Cộng		130.356.381	130.356.381

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.13

Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN Ban hành theo QĐ
số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI (Trích)

Năm 2010

Tài khoản – Chi phí sử dụng máy thi công

Số hiệu: TK 623

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			SPS			
...
15/12	PX806	15/12	Xuất dầu chạy máy CT đường Văn Chấn	152	200.000	
20/12	HĐ593	20/12	Thuê đầm dùi 1.5 KW	111	2.000.000	
...
30/12	BTHVC	30/12	Lương công nhân lái máy CT đường Văn Chấn	334	28.000.000	
		
31/12		31/12	Kết chuyển CP MTC CT đường Văn Chấn	154		130.356.381
		
			Cộng SPS		716.960.095	716.960.095
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán chi phí sản xuất chung:

2.2.6.1. Nội dung của chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung hiện nay ở công ty được tập hợp theo đối tượng tập hợp chi phí là từng công trình, hạng mục công trình bao gồm các khoản sau :

+ Tiền lương của nhân viên quản lý công trình, quản lý đội xây dựng trả theo công nhật là 200.000 đồng/ ngày công. Hiện nay công ty có 5 nhân viên quản lý đội. Tiền lương của nhân viên quản lý liên quan đến nhiều công trình sẽ được phân bổ cho từng công trình theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp theo công thức:

$$\begin{matrix} \text{Tiền lương} \\ \text{nhân viên} \\ \text{quản lý} \\ \text{của từng} \\ \text{công trình} \end{matrix} = \frac{\text{Chi phí NVLTT của từng công trình}}{\text{Chi phí NVLTT của tất cả các công trình}} \times \begin{matrix} \text{Tổng tiền lương} \\ \text{nhân viên} \\ \text{quản lý} \\ \text{cần phân bổ} \\ \text{cho tất cả các} \\ \text{công trình} \end{matrix}$$

- + Chi phí vật liệu sử dụng ở đội thi công
- + Chi phí dụng cụ phục vụ cho chi phí quản lý sản xuất ở đội thi công
- + Chi phí dịch vụ mua ngoài sử dụng ở đội
- + Chi phí bằng tiền khác tiền phát sinh ở đội thi công

2.2.6.2. Chứng từ hạch toán

Kế toán chi phí sản xuất chung sử dụng các chứng từ sau: bảng chấm công, bảng thanh toán lương, bảng phân bổ lương, hóa đơn giá trị gia tăng ...

2.2.6.3. Tài khoản hạch toán

Kế toán hạch toán Chi phí sản xuất chung trên TK 627 “Chi phí sản xuất chung”

Bên Nợ: Tập hợp chi phí sản xuất chung phát sinh trong kỳ

Bên Có: Kết chuyển và phân bổ chi phí sản xuất chung cho các công trình

2.2.6.4. Trình tự hạch toán

- Tiền lương (tiền công) phải trả cho nhân viên quản lý công trình

Nợ TK 627 (6271) - chi phí nhân viên công trình

Có TK 334 - phải trả công nhân viên

- Trị giá thực tế NVL xuất dùng cho quản lý công trình:

Nợ TK 627 (6272) - chi phí vật liệu

Có TK 152 - nguyên liệu, vật liệu

- Trị giá công cụ dụng cụ sử dụng trong công trình:

Nợ TK 627 (6273) - chi phí dụng cụ sản xuất

Có TK 153 - trị giá CCDC xuất kho có giá trị không lớn

Có TK 142 (1421), 242 - phân bổ giá trị CCDC có giá trị lớn

- Trích khấu hao TSCĐ dùng cho sản xuất và quản lý tại công trình:

Nợ TK 627 (6274) - chi phí khấu hao TSCĐ

Có TK 214 - khấu hao TSCĐ

- Chi phí dịch vụ mua ngoài sử dụng ở đội

Nợ TK 627 (6277) - chi phí dịch vụ mua ngoài

Nợ TK 133 - thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 111, 112, 331

- Cuối kỳ kết chuyển hoặc phân bổ CPSXC cho các đối tượng tập hợp chi phí:

Nợ TK 154- CP SXKD DD

Có TK 627- chi phí sản xuất chung.

Ví dụ: Trong tháng 10 năm 2010, công ty thi công 2 công trình: công trình Đường công vụ hộ đê Văn Chấn và công trình thoát nước sân GOLF, trong đó chi phí tiền lương nhân viên quản lý phát sinh chung cho 2 công trình là: 28.000.000 . Vậy tổng chi phí quản lý đội cần phân bổ = 28.000.000 đồng.

Trong tháng 10/2010 chi phí NVLTT dùng cho các công trình như sau :

Chi phí NVLTT dùng cho công trình thoát nước sân GOLF là 58.250.000 đồng

Chi phí NVLTT dùng cho công trình Đường công vụ hộ đê Văn Chấn là 295.630.000 đồng.

Phân bổ chi phí quản lý cho công trình đường công vụ hộ đê Văn Chấn như sau :

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí nhân viên quản lý của} \\ \text{công trình hộ đê Văn Chấn} \end{array} = \frac{295.630.000}{(58.250.000 + 295.630.000)} \times 28.000.000$$

Chi phí nhân viên quản lý của

công trình hộ đê VC = 23.391.000

Cuối tháng, kế toán căn cứ vào bảng chấm công (Biểu 2.14), bảng thanh toán lương của nhân viên quản lý đội (Biểu 2.15) tiến hành phân bổ chi phí tiền lương nhân viên quản lý đội thi công cho tất cả các công trình, sau khi phân bổ kế toán sẽ ghi vào sổ nhật ký chung (biểu số 2.16) và sổ chi tiết TK 627 (biểu số 2.17) , từ nhật ký chung ghi sổ cái TK 627 (biểu số 2.18).

Biểu số 2.14 :

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

Địa chỉ: Số 16, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG CHẤM CÔNG (Trích)
(Dùng cho nhân viên quản lý đội xây dựng)
Tháng 10 năm 2010

TT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày trong tháng							Tổng số công	Quy ra công	
			1	2	3	4	5	...	31		Số công hưởng Công nhật	Số công hưởng lương thời gian
1	Lê Văn Tài	QLXL	x	x	x	x	x	...	x	28	28	-
2	Trần Văn Hòa	QLXL	x	x	x	x	x	...	x	28	28	-
3	Vũ Thanh Liêm	QLXL	x	x	x	x	x		x	28	28	-
4	Trần Duy Thái	QLXL	x	x	x	x	x		x	28	28	-
5	Đỗ Tiến Thành	QLXL	x	x	x	x	x		x	28	28	-
	Cộng									140	140	-

Phòng xây dựng

Ngày 31 tháng 10 năm 2010

Phòng kế toán duyệt

Biểu số 2.15 :

Đơn vị: Công ty CP Thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

Địa chỉ: Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG (Trích)
(Dùng cho nhân viên quản lý đội xây dựng)
Tháng 10 năm 2010**

TT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	Lương công nhật			THANH TOÁN		
			SỐ CÔNG	Lương 1 ngày công	SỐ TIỀN ĐƯỢC LĨNH	Trừ tiền bảo hiểm	Còn lại	Ký nhận
1	Lê Văn Tài	QLXL	28	200.000	5.600.000	-	5.600.000	
2	Trần Văn Hòa	QLXL	28	200.000	5.600.000	-	5.600.000	
3	Vũ Thanh Liêm	QLXL	28	200.000	5.600.000	-	5.600.000	
4	Trần Duy Thái	QLXL	28	200.000	5.600.000	-	5.600.000	
5	Đỗ Tiến Thành	QLXL	28	200.000	5.600.000	-	5.600.000	
	Tổng cộng		140	200.000	28.000.000		28.000.000	

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phòng xây dựng

Thủ quỹ

Kế toán trưởng

Giám đốc duyệt

Biểu 2.16

Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích)

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	TK ĐƯ	SPS	
	SH	NT					Nợ	Có
...
31/10	BL10 VC	31/10	Lương nhân viên quản lý công trình VC T10	X X	1661 1662	6271 334	23.391.000	23.391.000
...
31/12	BL12 VC	31/12	Lương nhân viên quản lý công trình VC T12	X X	1861 1862	6271 334	28.000.000	28.000.000
...
31/12		31/12	K/chuyển CP SXC VC T12	X X	1890 1891	154 627	56.000.000	56.000.000
31/12		31/12	K/ c CPSXC đường VC	X X	1892 1893	154 627	165.000.000	165.000.000
			Cộng SPS				66.630.646.415	66.630.646.415

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17 :

Đơn vị: Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Địa chỉ: 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20 tháng 03 năm 2006
của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 627 (Trích)

Chi phí sản xuất chung
Công trình Đường công vụ hộ đê Văn Chấn
Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ			
		SPS			
...			
BL10VC	31/10	Lương nhân viên quản lý công trình VC T10	334	23.391.000	
...
BL12VC	31/12	Lương nhân viên quản lý công trình VC T12	334	28.000.000	
...
	31/12	K/chuyển CP SXC Văn Chấn Tháng 12	154		56.000.000
	31/12	Kết chuyển CP SXC Văn Chấn	154		165.000.000
		Cộng SPS		165.000.000	165.000.000
		Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu 2.18

Đơn vị: Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
 Địa chỉ: Số, 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN
 QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20 tháng 03 năm 2006
 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI (Trích)
Năm 2010
Tài khoản – Chi phí sản xuất chung
Số hiệu: TK 627

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			SPS			
					
31/10	BL10	31/10	Lương nhân viên quản lý công trình sân GOLF Tháng 10	334	4.609.000	
31/10	BL10	31/10	Lương nhân viên quản lý công trình VC T10	334	23.391.000	
25/12	HD 4251	25/12	Chi tiếp khách đường VC	111	8.000.000	
...
31/12	BL12 VC	31/12	Lương nhân viên quản lý công trình VC T12	334	28.000.000	
...
31/12		31/12	K/chuyển CP SXC Văn Chấn Tháng 12	154		56.000.000
31/12		31/12	Kết chuyển CP SXC Văn Chấn	154		165.000.000
			Cộng SPS		907.500.000	907.500.000
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.7. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ và tính giá thành sản phẩm xây lắp

2.2.7.1. Tập hợp chi phí sản xuất :

Tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang , chi phí sản xuất được tập hợp theo từng công trình, hạng mục công trình.

Để tập hợp chi phí sản xuất công ty sử dụng TK 154 “ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ”. Cuối tháng, tất cả các chi phí phát sinh trong tháng sẽ được tập hợp lại và kết chuyển sang bên nợ của TK 154.

Nợ TK 154- chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Có TK 621- chi phí NVL trực tiếp

Có TK 622- chi phí nhân công trực tiếp

Có TK 627- chi phí sản xuất chung

Có TK 623- chi phí máy thi công

Ví dụ: Đến ngày 31/12/2010 kê toán tổng hợp chi phí, kết chuyển chi phí NVLTT, chi phí NCTT, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí SXC đã dùng cho công trình Đường công vụ Văn Chấn như sau :

Nợ TK 154 : 1.174.070.631

Có TK 621 : 630.000.000

Có TK 622 : 248.714.250

Có TK 623 : 130.356.381.

Có TK 627 : 165.000.000

Biểu 2.19

**BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT (Trích)
Năm 2010**

Đơn vị: đồng

STT	Tên công trình	CPNVLTT	CPNCTT	CPSDMTC	CPSXC	TỔNG
...
4	Cao đẳng SP	945.000.000	373.071.375	195.534.750	247.500.000	1.761.106.125
5	Sân GOLF	235.000.000	82.904.750	43.452.127	55.000.000	416.356.877
6	Đường VC	630.000.000	248.714.250	130.356.381	165.000.000	1.174.070.631
	Tổng cộng	3.465.000.000	1.367.928.375	716.960.095	907.500.000	6.457.388.470

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

2.2.7.2 Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Đặc điểm của sản phẩm xây lắp là có giá trị lớn, kết cấu phức tạp, thời gian thi công kéo dài. Đối với những công trình cuối năm chưa hoàn thành thì việc đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ là cần thiết. Đánh giá sản phẩm dở dang chính xác có ý nghĩa quan trọng trong việc tính giá thành sản phẩm. Để tính được giá thành thực tế khối lượng xây lắp hoàn thành công ty phải xác định chi phí dở dang đầu kỳ và cuối kỳ.

Tại công ty, cuối kỳ kế toán sẽ tiến hành kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang và tính chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang theo giá dự toán theo công thức sau:

$$\begin{array}{l}
 \text{Chi phí thực tế khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ} \\
 = \\
 \frac{\text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí thực tế của khối lượng xây lắp phát sinh trong kỳ}}{\text{Giá trị của khối lượng xây lắp hoàn thành theo dự toán} + \text{Giá trị của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán}} \times \text{Giá trị của khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán}
 \end{array}$$

Công trình Đường công vụ hộ đê Văn Chấn cuối năm 2010 hoàn thành bàn giao nên không cần đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

2.2.7.3. Kế toán tính giá thành sản phẩm

Đối tượng tính giá thành tại công ty là từng công trình hạng mục công trình mà công ty thi công. Kỳ tính giá thành mà công ty áp dụng là khi công trình hoàn thành. Giá thành sẽ được tính cho từng công trình, hạng mục công trình riêng biệt Công ty áp dụng phương pháp tính giá thành trực tiếp cho từng công trình, hạng mục công trình.

Để phản ánh giá thành sản phẩm xây lắp hoàn thành kế toán sử dụng TK 632 “giá vốn hàng bán”. Tài khoản này được mở chi tiết cho từng công trình, hạng mục công trình.

Ví dụ: Công trình Đường công vụ hộ đê Văn Chấn đến cuối năm 2010 là kết thúc nên kế toán tính giá vốn cho công trình này như sau :

Nợ TK 632: 1.174.070.631

Có TK 154: 1.174.070.631

Giá thành thực tế của khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao chính là chi phí thực tế phát sinh trong năm 2010.

Từ tài liệu tính giá thành của các công trình trong năm 2010 kế toán lập bảng tổng hợp giá thành thực tế của các Công trình trong năm 2010 như sau:

Biểu 2.20

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ THÀNH THỰC TẾ (Trích)
Năm 2010

Đơn vị: đồng

STT	Tên công trình	Giá trị xây lắp DDĐK	CP Phát sinh Trong kỳ	Giá trị xây lắp DDCK	Giá thành xây lắp
...
4	Cao đẳng SP	-	1.761.106.125	-	1.761.106.125
5	Sân GOLF	-	416.356.877	-	416.356.877
6	Đường VC	-	1.174.070.631	-	1.174.070.631
	Tổng cộng	-	6.457.388.470	-	6.457.388.470

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Biểu 2.21

Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03a-DN Ban hành theo QĐ
số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ NHẬT KÝ CHUNG (Trích)

Năm 2010

Đơn vị tính: đồng

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	ĐG SC	STT dòng	TK ĐƯ	SPS	
	SH	NT					Nợ	Có
...
31/12		31/12	K/chuyển CPNVLTT Đường VC	X X	9870 9871	154 621	630.000.000	630.000.000
31/12		31/12	K/ chuyển CPNCTT Đường VC	X X	9972 9873	154 622	248.714.250	248.714.250
31/12		31/12	K/ chuyển CP MTC đường VC	X X	9874 9875	154 623	130.356.381	130.356.381
31/12		31/12	K/ chuyển CP SXC đường VC	X X	9876 9877	154 627	165.000.000	165.000.000
31/12		31/12	K/ chuyển Giá vốn đường VC	X X	9878 9879	632 154	1.174.070.631	1.174.070.631
			Cộng SPS				66.630.646.415	66.630.646.415

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.22 :

Đơn vị: Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
 Địa chỉ: Số 16, Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S38-DN
 QĐ số: 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20 tháng 03 năm 2006
 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN 154 (Trích)

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
 Công trình Đường công vụ hộ đê Văn Chấn
 Từ ngày 01/10/2010 đến ngày 31/12/2010

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền		
	SH	NT			Nợ	Có	
			Số dư đầu kỳ			-	
			Số phát sinh trong kỳ				
31/12		31/12	Kết chuyển CP NVL TT công trình đường Văn Chấn	621	630.000.000		
31/12		31/12	Kết chuyển CPNC TT công trình đường Văn Chấn	622	248.714.250		
31/12		31/12	Kết chuyển CP SDMTC công trình đường Văn Chấn	623	130.356.381		
31/12		31/12	Kết chuyển CP SXC công trình đường Văn Chấn	627	165.000.000		
31/12		31/12	Kết chuyển giá vốn công trình đường Văn Chấn	632			1.174.070.631
			Cộng SPS		1.174.070.631		1.174.070.631
			Số dư cuối kỳ				

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Biểu 2.23

Công ty CPTM và đầu tư xây dựng Hà Trang
Số 16 Lê Thánh Tông, Ngô Quyền, Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CÁI (Trích)

Năm 2010

Tài khoản – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: TK 154

Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	
			SPS			
...
31/12		31/12	Kết chuyển CP NVL TT công trình sân GOLF	621	235.000.000	
...
31/12		31/12	Kết chuyển CP NVL TT công trình đường Văn Chấn	621	630.000.000	
31/12		31/12	Kết chuyển CPNC TT công trình đường Văn Chấn	622	248.714.250	
31/12		31/12	Kết chuyển CP SDMTC công trình đường Văn Chấn	623	130.356.381	
31/12		31/12	Kết chuyển CP SXC công trình đường Văn Chấn	627	165.000.000	
31/12		31/12	Kết chuyển giá vốn công trình đường Văn Chấn	632		1.174.070.631
			Cộng SPS		6.457.388.470	6.457.388.470
			Số dư cuối kỳ			

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2010
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ Ý KIẾN ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HÀ TRANG

3.1. Nhận xét về công tác kế toán tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

Trong điều kiện giá bán trên thị trường chịu sự khống chế của quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh, để có lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh thì doanh nghiệp cần phải quan tâm đến chỉ tiêu chi phí giá thành. Chi phí giá thành là biểu hiện bằng tiền của các hao phí lao động sống, lao động vật hóa để sản xuất sản phẩm, phản ánh trình độ kỹ thuật, trình độ tổ chức sản xuất, lao động vật tư, tiền vốn của doanh nghiệp. Trong giai đoạn hiện nay việc tính đúng, tính đủ, chính xác các khoản chi phí bỏ ra và giá thành sản phẩm không những cần thiết mà còn mang tính nguyên tắc, là yêu cầu cơ bản của quản trị doanh nghiệp.

Cùng với sự phát triển của đất nước, Công ty Cổ phần thương mại và đầu tư Xây dựng Hà Trang đã rất nhạy bén trong công tác quản lý, phát huy những ưu điểm vốn có, đã và đang tìm ra cho mình hướng đi mới và đạt được những thành tích đáng mừng. Công ty đã dần khẳng định vị trí của mình trên thương trường bằng các công trình xây lắp có chất lượng cao. Công ty đã chứng tỏ sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tìm kiếm mở rộng thị trường nhằm tăng lợi nhuận để tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, công nhân viên trong toàn công ty.

Công ty đặc biệt chú trọng tới công tác kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản. Xuất phát từ nhận thức về tầm quan trọng của việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, công ty đã có những chuyển biến cơ bản trong việc hạch toán chi phí sản xuất từ khâu xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành đến kế toán chi phí tổng hợp, kế toán chi phí giá

thành, thực hiện việc ghi chép phản ánh một cách kịp thời, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các chi phí hoạt động tính vào giá thành của công trình, hạng mục công trình và hạch toán phân bổ chi phí sản xuất chung.

Tuy nhiên, để có thể tồn tại và phát triển trong môi trường kinh tế cạnh tranh ngày càng khốc liệt công ty Cổ Phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang cần phát huy những ưu điểm và khắc phục những nhược điểm còn tồn tại

3.1.1. Ưu điểm:

Qua quá trình tìm hiểu thực tế về công tác quản lý và công tác hạch toán kế toán nói chung, về công tác quản lý và kế toán tập hợp chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm xây lắp nói riêng ở Công ty cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang. Được sự quan tâm của Giám đốc Công ty và Ban lãnh đạo Công ty em nhận thấy Công ty đã xây dựng được một mô hình quản lý, kế toán khoa học hợp lý và có hiệu quả, phù hợp với yêu cầu của kinh tế thị trường.

** Về bộ máy quản lý:*

Công ty có bộ máy quản lý hết sức gọn nhẹ, các phòng ban chức năng phục vụ có hiệu quả, giúp cho lãnh đạo Công ty quản lý kinh tế, tổ chức sản xuất, tổ chức hạch toán kế toán hợp lý, khoa học và kịp thời.

** Về bộ máy kế toán:*

Phòng kế toán với những nhân viên có trình độ, năng lực, nhiệt tình, trung thực đã góp phần đặc lực vào công tác hạch toán kế toán và quản lý kinh tế của Công ty.

** Về hệ thống sổ sách kế toán, chứng từ và phương pháp hạch toán::*

- Hệ thống sổ sách, chứng từ ban đầu được tổ chức đầy đủ hợp pháp, hợp lệ, tuân thủ đúng chế độ kế toán hiện hành của bộ tài chính. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung đảm bảo rõ ràng, dễ hiểu, dễ tiếp nhận, thu thập, xử lý, tổng hợp và cung cấp thông tin phù hợp với năng lực, trình độ và điều kiện thanh toán cũng như đặc điểm, quy mô hoạt động kinh doanh, yêu cầu quản lý của công ty. Từ đó, giúp cho việc kiểm soát thông tin đảm bảo yêu cầu cung cấp thông tin chính xác, kịp thời.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho tại công ty là phương pháp kê khai thường xuyên, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý, giúp Ban Giám đốc thường xuyên nắm được tình hình biến động hàng tồn kho và ra quyết định một cách nhanh chóng, chính xác và kịp thời.

** Về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm*

- Công ty đã xác định rõ đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành là các công trình, hạng mục công trình nên kế toán tập hợp chi phí sản xuất cho từng công trình theo tháng một cách rõ ràng, thuận tiện trong việc theo dõi và phân tích hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Phương pháp tính giá thành là phương pháp trực tiếp, sử dụng phương pháp này sẽ giúp công tác tính giá thành đơn giản hơn, công việc tính toán của kế toán sẽ nhẹ nhàng hơn, tránh được những sai sót không đáng có, phù hợp với đặc điểm sản xuất của ngành xây dựng

- Kỳ tính giá thành: Công ty áp dụng kỳ tính giá thành là từ khi công trình khởi công cho đến khi công trình hoàn thành bàn giao

- Đối tượng, phương pháp hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm đúng đắn tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Kỳ tính giá thành sản phẩm không xác định là tháng, hoặc quý như các doanh nghiệp khác mà theo thời gian hoàn thành các công trình phù hợp với thực tế.

- Phương pháp, nguyên tắc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty đều căn cứ trên những quy định do Bộ Tài chính ban hành. Hệ thống chứng từ ban đầu được tổ chức hợp pháp, hợp lý và đầy đủ. Do đó, công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty luôn đảm bảo chính xác và kịp thời.

Những ưu điểm về quản lý và kế toán chi phí sản xuất tính giá thành sản phẩm nêu trên đã có tác dụng tích cực đến việc tiết kiệm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm xây lắp và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

3.1.2. Nhược điểm:

Mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể nhưng ở Công ty cũng không tránh được những khó khăn, tồn tại nhất định, nhất là trong công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. Biểu hiện cụ thể là:

*** Về thông tin kế toán**

- Hiện nay công ty đang áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung nên chứng từ kế toán đều được tập trung tại phòng kế toán của công ty. Do đó công việc của phòng kế toán rất nhiều đặc biệt là vào cuối kỳ kế toán. Công ty mới chỉ sử dụng máy vi tính (phần mềm tin học văn phòng đơn giản Word, Excel) để thay cho việc ghi chép thủ công nên vẫn có thể xảy ra sai sót trong việc hạch toán đồng thời chưa xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Công ty nên trang bị phần mềm kế toán để giảm bớt khối lượng công việc kế toán, đồng thời phần mềm kế toán cũng tạo hiệu quả công việc cao hơn, tránh sai sót mà lại nhanh chóng, tiện lợi. Các phần mềm kế toán công ty nên áp dụng như : Phần mềm kế toán Misa, phần mềm kế toán Fast, phần mềm kế toán Sasinova.

- Trong công tác luân chuyển chứng từ vẫn còn những mặt tồn tại mà phòng kế toán cần phải có biện pháp khắc phục. Đó là, công tác luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng Tài chính-kế toán công ty vẫn còn sự chậm trễ, lượng công việc quá lớn thường bị dồn vào cuối kỳ kế toán.

- Chưa có hệ thống kiểm soát nội bộ nên khi ban lãnh đạo công ty hoặc các phòng ban khác muốn nắm bắt được thông tin, số liệu phải trực tiếp tới phòng Kế toán.

*** Đối với người lao động :**

Công ty chưa thực hiện công tác đóng BHXH, BHYT, KPCĐ và BHTN cho người lao động. Ngoài ra, công ty cũng chưa có chế độ lương thưởng phù hợp cho người lao động. Vì thế, vẫn chưa khích lệ, động viên được nhân viên làm việc hết khả năng của mình.

***Công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành :**

- *Đối với nguyên vật liệu trực tiếp:*

+ Công ty chủ yếu mua nguyên vật liệu nhập kho chứ ít khi mua NVL xuất thẳng cho công trình nhằm đề phòng biến động giá NVL đầu vào đã làm cho giá trị nguyên vật liệu tồn kho lớn ảnh hưởng đến nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp. Mặt khác công trình thi công ở xa nên khá tốn kém chi phí trong việc vận chuyển nguyên vật liệu đến chân công trình. Thêm vào đó, khi mua NVL đầu vào doanh nghiệp đã phải bỏ chi phí vận chuyển NVL về kho. Như vậy, giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho tăng lên ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm.

+ Công ty tính trị giá NVL xuất kho theo phương pháp thực tế đích danh nhưng điều này làm chậm trễ trong việc xuất kho NVL. Khi nguyên vật liệu được xuất với số lượng lớn thì lại phải xin ý kiến chỉ đạo của giám đốc, phòng kế hoạch kỹ thuật, phòng Tài chính kế toán.

+ Việc tổ chức quản lý chi phí NVL còn chưa được chặt chẽ toàn diện, vẫn còn tình trạng công nhân sử dụng lãng phí NVL. Công ty chưa loại trừ được khỏi giá thành giá trị vật liệu thu hồi như: vôi, vữa, cát, đá, xi măng thừa...

- *Đối với nhân công trực tiếp xây lắp :*

+ Hiện nay số lượng công nhân trực tiếp xây lắp tại công ty là 20 công nhân. Mà công ty lại hoàn toàn không sử dụng lao động thuê ngoài cho nên khi nhận thi công các công trình thi công ở xa, một số công nhân thường hay xin nghỉ để đi làm tự do bên ngoài, điều này ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ thi công công trình do công ty luôn vướng phải tình trạng thiếu công nhân do nghỉ tự túc. Mặt khác khi nhận công trình lớn thì lại không đủ người để đáp ứng được yêu cầu công việc.

+ Do mới thành lập nên công ty mới chỉ nhận được những công trình nhỏ. Trong khi đó số lượng công nhân trực tiếp xây lắp nhiều như vậy điều này là bất hợp lý.

+ Công ty chưa giám sát chặt chẽ quá trình thi công của công nhân trực tiếp xây lắp dẫn đến một số công trình chưa đảm bảo chất lượng đề ra.

- *Đối với máy thi công:*

+ Công ty mới chỉ nhận được những công trình nhỏ và chủ yếu thi công bằng thủ công nhưng số lượng máy thi công của công ty lại khá nhiều và có giá trị lớn ví dụ

như : Máy xúc KOBELCO : nguyên giá là 250.000.000

Máy ủi KOMATSU : nguyên giá là 207.000.000

Máy xúc đào KOMATSU : nguyên giá là 620.000.000

Nếu tất cả các công trình nhận được trong năm không sử dụng đến những máy thi công này, kế toán vẫn phải trích khấu hao và khấu hao được tính vào chi phí sử dụng máy thi công làm cho chi phí sử dụng máy thi công tăng lên gây lãng phí.

+ Công ty hoàn toàn không thuê ngoài máy thi công cho nên không dám đảm nhận thi công những công trình ở tỉnh ngoài vì lý do vận chuyển máy thi công rất tốn kém.

+ Lương của công nhân sử dụng máy thi công tính theo lương công nhật. Trong khi đó các công trình cần sử dụng đến máy thi công rất ít nên dẫn đến tình trạng công nhân sử dụng máy thi công không có việc để làm mà vẫn được hưởng lương, điều này là không hợp lý.

- *Đối với chi phí sản xuất chung:*

+ Đối với doanh nghiệp xây lắp thì các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý công trình sẽ hạch toán vào TK 627. Công ty không tiến hành trích các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho người lao động khiến cho chi phí sản xuất chung giảm và không phản ánh đúng giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp

+ Công ty chưa quản lý chặt chẽ các khoản chi phí phát sinh chung ở đội xây dựng như : điện, nước....khiến cho giá thành sản phẩm tăng.

3.1.3. Nguyên nhân của thực trạng

*** Về thông tin kế toán**

Bộ máy lãnh đạo của công ty còn do dự trong quyết định đầu tư, mua sắm phần mềm kế toán cho nên dẫn đến tình trạng xảy ra sai sót trong việc hạch toán đồng thời chưa xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

*** Đối với người lao động :**

Do mới thành lập nên công ty chưa trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho người lao động để giảm chi phí sản xuất chung, giảm giá thành nhưng nó không phản ánh đúng giá thành của công trình, hạng mục công trình và lại sai không đúng với quy định của chế độ. Đồng thời, không khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty.

*** Công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành :***- Đối với nguyên vật liệu trực tiếp*

+ Do còn thiếu kinh nghiệm nên công ty thường nhập kho nguyên vật liệu với số lượng lớn để đề phòng biến động về giá nguyên vật liệu đầu vào. Khi số lượng nguyên vật liệu tồn kho quá lớn, mặc dù giá nguyên vật liệu bên ngoài thị trường nhỏ hơn giá NVL trong kho nhưng công ty vẫn phải xuất NVL trong kho với trị giá lớn hơn giá thị trường.

+ Chưa xác định phương pháp tính giá xuất kho phù hợp.

+ Công tác quản lý chi phí NVL còn chưa được chặt chẽ toàn diện dẫn đến tình trạng lãng phí.

- Đối với nhân công trực tiếp xây lắp :

+ Chưa linh hoạt trong việc thuê ngoài lao động trực tiếp xây lắp.

+ Chưa xác định số lượng công nhân trực tiếp xây lắp phù hợp với năng lực nhận thầu của công ty.

+ Chưa giám sát được chặt chẽ quá trình thi công của công nhân trực tiếp xây lắp dẫn đến một số công trình chưa đảm bảo chất lượng đề ra.

+ Công tác quản lý lỏng lẻo của nhân viên quản lý đội xây dựng dẫn đến tình trạng công nhân trực tiếp xây lắp đi sớm về muộn, thiếu ý thức tinh thần trách nhiệm trong thi công công trình.

- Đối với máy thi công:

+ Mua sắm quá nhiều máy thi công hiện đại có giá trị lớn mà chỉ nhận thi công những công trình lao động thủ công là chủ yếu.

+ Công ty hoàn toàn không thuê ngoài máy thi công dẫn đến tình trạng không dám đảm nhận thi công những công trình ở tỉnh ngoài vì lý do vận chuyển máy thi công rất tốn kém.

- *Đối với chi phí sản xuất chung:*

+ Công ty không tiến hành trích các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho người lao động khiến cho chi phí sản xuất chung giảm và không phản ánh đúng giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp.

+ Thái độ thiếu tinh thần trách nhiệm của nhân viên quản lý đội xây dựng khiến cho chi phí chung phát sinh ở đội xây dựng như : điện, nước... tăng làm cho chi phí sản xuất chung tăng và do đó làm cho giá thành tăng.

3.1.4. Những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực trạng công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

*** Về thông tin kế toán :**

Bộ máy lãnh đạo của công ty nên quyết đoán trong việc đầu tư, mua sắm phần mềm kế toán để tránh dẫn đến tình trạng xảy ra sai sót trong việc hạch toán đồng thời chưa xử lý nhanh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

*** Đối với người lao động :** Nên có chế độ khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty, có như vậy công ty mới phát triển lâu dài và bền vững.

*** Công tác quản lý chi phí sản xuất và tính giá thành :**

- *Đối với nguyên vật liệu trực tiếp:*

+ Cần nghiên cứu kỹ lưỡng trước khi ra quyết định nhập kho nguyên vật liệu.

+ Cần xác định phương pháp tính giá xuất kho phù hợp.

+ Nâng cao trình độ quản lý chi phí NVL .

- *Đối với nhân công trực tiếp xây lắp :*

+ Cần linh hoạt trong việc thuê ngoài lao động trực tiếp xây lắp.

+ Cần xác định số lượng công nhân trực tiếp xây lắp phù hợp với năng lực nhận thầu của công ty.

+ Giám sát chặt chẽ quá trình thi công của công nhân trực tiếp xây lắp.

+ Quản lý chặt chẽ thời gian làm việc và nâng cao ý thức trách nhiệm của công nhân trực tiếp xây lắp.

- *Đối với máy thi công:*

+ Cần kết hợp hài hòa giữa mua mới máy thi công, khai thác triệt để máy thi công hiện có với việc thuê ngoài máy thi công nếu công trình ở các tỉnh xa nếu xét thấy giải pháp này là hiệu quả.

+ Tránh để tồn tại tình trạng công nhân sử dụng máy thi công thường xuyên không có việc làm, máy thi công không sử dụng, tốn chi phí bảo dưỡng, ứ đọng vốn kinh doanh, nên cho thuê hoặc bán đi.

- *Đối với chi phí sản xuất chung:*

+ Cần tiến hành trích các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho người lao động để phản ánh đúng giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp, điều này có tác dụng đảm bảo quyền lợi cho người lao động và tính toán kết quả sản xuất kinh doanh mới chính xác.

+ Nghiêm chỉnh xem xét, đánh giá lại thái độ thiếu tinh thần trách nhiệm của nhân viên quản lý đội xây dựng đã khiến cho chi phí chung phát sinh ở đội xây dựng như : điện, nước... tăng làm cho chi phí sản xuất chung tăng để có hình thức kỷ luật nghiêm khắc.

3.2. Nguyên tắc và yêu cầu hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

3.2.1. Nguyên tắc hoàn thiện

Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải tuân thủ một số nguyên tắc sau:

- Phải phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế.
- Phải tuân thủ theo chế độ, chính sách tài chính kế toán của nhà nước
- Nắm vững chức năng và nhiệm vụ của công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.
- Hoàn thiện phải trên cơ sở phù hợp với quy mô, hình thức, đặc điểm sản xuất kinh doanh và trình độ quản lý của doanh nghiệp

của doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được các thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí vì mục đích của doanh nghiệp là kinh doanh có lãi mang lại hiệu quả.
- Kết hợp hài hòa, sáng tạo giữa máy móc thiết bị hiện đại với tiềm năng tri thức con người. Chỉ có như vậy mới đem lại hiệu quả cao nhất cho công tác kế toán nói chung cũng như kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng.
- Hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty cũng phải dựa trên kết quả đánh giá những tồn tại hiện nay trong công tác quản lý cũng như công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

3.2.2. Yêu cầu hoàn thiện

Một doanh nghiệp muốn đứng vững và tồn tại trong sự cạnh tranh khắc nghiệt của cơ chế thị trường thì phải biết khai thác, phát huy khả năng, thế mạnh của mình, phải biết xác định các khoản chi phí bỏ ra, không ngừng nghiên cứu, tìm tòi, áp dụng công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm. Để đáp ứng được nhu cầu đó các doanh nghiệp phải chú trọng tới công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sao cho công tác đó được tiến hành một cách đúng đắn, khoa học nhất, thực hiện theo từng bước, không ảnh hưởng tới quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, khắc phục được các thiếu sót đảm bảo đúng với chính sách nhà nước. Hoàn thiện từng nghiệp vụ, từng khâu, từng bước, dần dần hoàn thiện các vấn đề liên quan tới tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

3.3. Những kiến nghị và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

3.3.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

Mục tiêu của bất kỳ doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nào cũng là tìm mọi cách để tối đa hóa lợi nhuận. Để đạt được mục tiêu đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất gắn liền với quá trình sử dụng vật tư, tài sản, tiền vốn, lao động một cách có hiệu quả trên cơ sở tổ chức ngày càng hợp lý quá trình hạch toán chi phí sản xuất phát sinh. Từ đó, cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho các nhà quản lý để kịp thời đưa ra các quyết định tối ưu, nhằm phân đầu tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, hạch toán chi phí sản xuất phải luôn được hoàn thiện. Tuy nhiên, do đặc tính của chi phí sản xuất là luôn vận động, thay đổi không ngừng đồng thời mang tính đa dạng, phức tạp gắn liền với tính đa dạng của ngành nghề sản xuất và quá trình sản xuất nên công việc hoàn thiện quá trình sản xuất là rất khó khăn. Nó đòi hỏi tính hợp lý và chính xác ở tất cả các giai đoạn trong quá trình sản xuất, các bộ phận sản xuất. Do vậy việc hoàn thiện phải thực hiện các nội dung sau:

- Tổ chức hoàn thiện và luân chuyển chứng từ một cách có hệ thống, có kế hoạch và hợp lý nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổng hợp số liệu phục vụ yêu cầu quản lý.
- Tổ chức hệ thống tài khoản chi phí thống nhất nhằm phản ánh đầy đủ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu thông tin và kiểm tra công tác quản lý.
- Tổ chức lập báo cáo và phân tích báo cáo tài chính kịp thời, hữu hiệu cho việc điều chỉnh và đưa ra các quyết định quản lý cho phù hợp.

3.3.2. Những kiến nghị và đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang

- Trong nền kinh tế thị trường, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp xây lắp diễn ra ngày càng khốc liệt. Do đó Công ty cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang không còn sự lựa chọn nào khác là quản lý tốt chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm xây lắp của mình xuống mức thấp nhất có thể được, thúc đẩy sự sáng tạo, tìm tòi những phương án giải quyết có hiệu quả nhất nhằm phấn đấu hạ giá thành sản phẩm là yếu tố giúp Công ty thắng thầu nhiều hơn.

- Những thông tin về chi phí sản xuất không những cần thiết cho nhà quản lý, kiểm soát chi phí, xác định chi phí bù đắp, thúc đẩy hạch toán kinh tế nội bộ đề ra quyết định kịp thời, chuẩn xác, phù hợp mà còn giúp cho các đối tác bên ngoài như chủ đầu tư, các nhà cung cấp, cơ quan thuế có cơ sở xác nhận và đánh giá một cách đầy đủ hoàn thiện hơn về Công ty, căn cứ lựa chọn phương án đầu tư, liên doanh hợp tác...

- Muốn hạ được giá thành cần phải thực hiện đồng bộ nhiều biện pháp, khai thác và tận dụng khả năng sẵn có của mình.

- Qua việc phân tích tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, em nhận thấy muốn hạ được giá thành sản phẩm cần phải giảm chi phí và tăng cường công tác quản lý kinh tế, bố trí hợp lý nguồn nhân lực.

- Đối chiếu với lý luận và kiến thức đã được học với thực tế tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty. Em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty như sau:

- *Ý kiến 1 : Về thông tin kế toán*

+ Công ty nên trang bị phần mềm kế toán để giảm bớt khối lượng công việc kế toán, đồng thời việc tổ chức kế toán máy giúp cho việc thu nhận, tính toán, xử lý, cung cấp thông tin được nhanh chóng, kịp thời, chất lượng, đáp ứng nhu cầu, đòi hỏi của đối tượng sử dụng thông tin, giúp công tác lưu trữ, bảo mật dữ liệu, xử lý thông tin được hiệu quả. Tuy chi phí bỏ ra không phải là ít nhưng với thời đại công

nghệ thông tin như hiện nay, không lâu nữa tất cả các doanh nghiệp đều sử dụng hình thức này vì nó mang lại hiệu quả trực tiếp cho các doanh nghiệp.

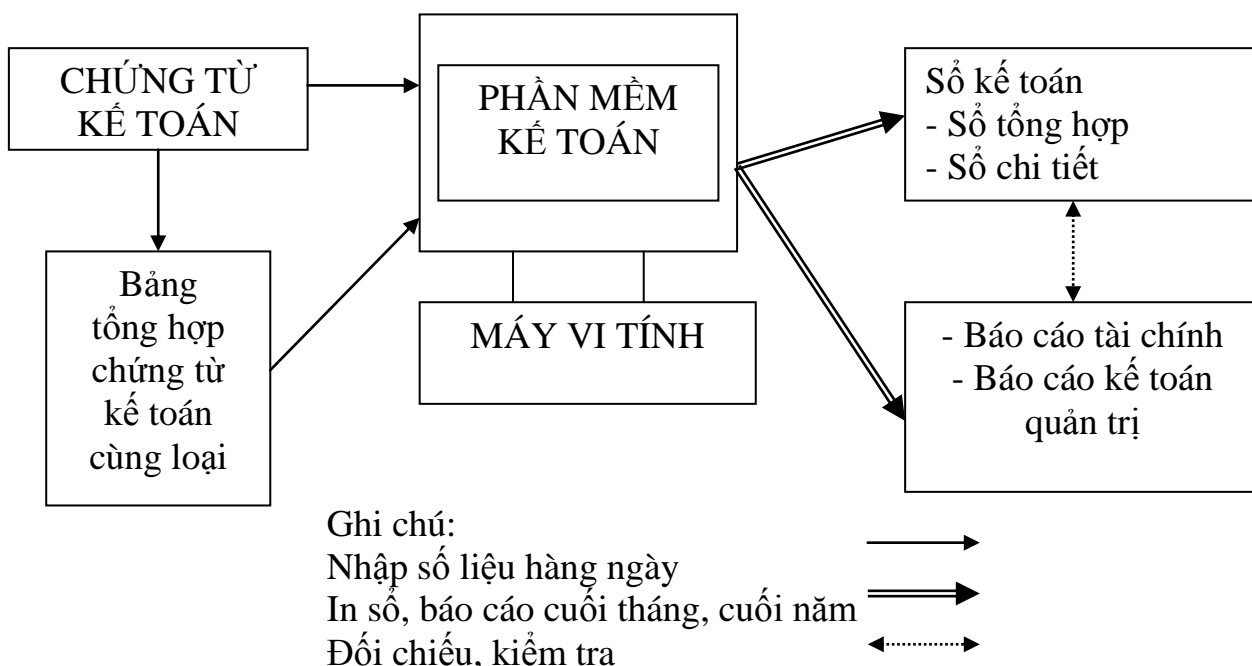
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

(1) Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

(2) Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi in ra giấy. Thực hiện các thao tác để in báo cáo tài chính theo quy định.

Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 3.1: Trình tự ghi sổ kế toán thực hiện trên máy vi tính



Sau đây là một số phần mềm kế toán máy Công ty có thể tham khảo và áp dụng :
Phần mềm ACMAN : ACMAN được thiết kế và lập trình trên công nghệ hiện đại theo quy chuẩn của Bộ tài chính. Với phần mềm này người sử dụng chỉ cần cập nhật số liệu đầu vào phát sinh theo hệ thống chứng từ, máy tính sẽ tự động tính toán và đưa ra các sổ sách báo cáo tài chính , báo cáo quản trị và các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Phần mềm kế toán MetaData Accounting : Đây là phần mềm được phát triển trên cơ sở phân tích tỉ mỉ, bao trùm hầu hết các phần hành kế toán của nhiều loại hình doanh nghiệp. Với tiêu chí “ Đơn giản hóa, dễ sử dụng, đáp ứng tối đa nhu cầu quản lý kế toán của doanh nghiệp. MetaData Accounting được đánh giá là phần mềm có hiệu quả cao trong công tác kế toán quản trị doanh nghiệp, phù hợp với loại hình doanh nghiệp: thương mại dịch vụ, sản xuất và xây lắp.

Phần mềm kế toán ASC : Do phân viện công nghệ thông tin TP.HCM thực hiện từ cuối năm 1985. Phần mềm này đã được sử dụng bởi hàng trăm công ty, đơn vị, trong đó có các công ty thuộc các loại hình hành chính sự nghiệp, sản xuất , dịch vụ xây dựng từ quy mô nhỏ cho đến rất lớn.

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình. Đặc biệt, MISA SME.NET 2010 hỗ trợ doanh nghiệp tạo mẫu, phát hành, in, quản lý và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP .

Giá: 6.950.000 đồng

- + Giám đốc nên chỉ đạo đẩy nhanh công tác luân chuyển chứng từ giữa các đơn vị trực thuộc với phòng Tài chính-kế toán của công ty để hạn chế khối lượng công việc quá lớn bị dồn vào cuối kỳ kế toán.
- Công ty nên thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ để ban lãnh đạo công ty hoặc các phòng ban khác nắm bắt được thông tin một cách nhanh nhất.

- Ý kiến 2 : Đối với người lao động :

+ Đối với công nhân trong danh sách công ty nên tiến hành trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN, cụ thể như sau :

Nội dung	BHXH	BHYT	KPCĐ	BHTN	Tổng
Tính vào chi phí	15%	2%	2%	1%	20%
Trừ vào lương	6%	1.5%	-	1%	8.5%
Tổng	21%	3.5%	2%	2%	28.5%

+ Ngoài ra, công ty nên có chế độ lương thưởng phù hợp đối với người lao động để khích lệ, động viên được nhân viên làm việc hết khả năng của mình.

- Ý kiến 3: Đối với nguyên vật liệu trực tiếp:

+ Công ty cần nghiên cứu kỹ lưỡng trước khi ra quyết định nhập kho nguyên vật liệu, không nên nhập kho với số lượng nhiều để dẫn đến tình trạng giá trị nguyên vật liệu tồn kho quá lớn ảnh hưởng đến nguồn vốn lưu động của công ty. Mặt khác khi giá NVL ngoài thị trường nhỏ hơn giá NVL trong kho làm cho trị giá xuất kho NVL cao hơn so với mặt bằng chung của thị trường làm ảnh hưởng tới chi phí nguyên vật liệu trực tiếp và giá thành sản phẩm xây lắp.

+ Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là loại chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí và có tính chất quyết định đến chất lượng công trình nên cần được quản lý chặt chẽ, tổ chức cung ứng phù hợp. Các vật liệu quan trọng có giá trị lớn thì công ty tổ chức tìm các nhà cung cấp đáp ứng đầy đủ yêu cầu về số lượng, chất lượng, chủng loại với giá cả hợp lý nhất, ký kết hợp đồng mua, rồi vận chuyển đến chân công trình. Còn lại thì tùy theo yêu cầu thực tế mà cung ứng thêm. Như vậy công ty tiết kiệm được chi phí kho bãi, chi phí bảo quản nguyên vật liệu, chi phí vận chuyển NVL từ kho bãi đến công trường. Ngoài ra công ty nên tìm kiếm các nhà cung cấp khác nhau để chủ động trong công tác thu mua NVL và tăng khả năng lựa chọn.

+ Công ty cần xác định phương pháp tính giá xuất kho phù hợp. Bởi vì, phương pháp thực tế đích danh đang áp dụng cho thấy nhiều bất cập trong công tác luân chuyển chứng từ. Công ty nên áp dụng phương pháp tính giá xuất kho theo phương

pháp bình quân liên hoàn để tiện cho việc áp dụng máy vi tính và cài đặt phần mềm kế toán máy.

+ Công ty cần loại trừ giá thành giá trị NVL thu hồi như : Sắt, thép, xi măng....

Các khoản thu hồi ghi giảm chi phí NVLTT :

Nợ TK liên quan (152, 111, 112, 331...)

Có TK 621

+ Kiểm tra chặt chẽ các chứng từ ghi chép tình hình nhập xuất nguyên vật liệu. Tổ chức đối chiếu định kỳ, bất thường kho nguyên vật liệu với số liệu của phòng kế toán để cuộc kiểm tra đạt hiệu quả.

+ Theo dõi chặt chẽ số liệu phản ánh tình hình sử dụng nguyên vật liệu trong sản xuất được bộ phận sản xuất báo cáo, nhanh chóng phát hiện và tìm hiểu khi số lượng lãng phí, thất thoát vượt quá mức độ cho phép trong quá trình sản xuất nếu có.

+ Thực hiện các biện pháp thưởng phạt công minh đối với việc sử dụng và quản lý nguyên vật liệu.

+ Nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của công nhân nhằm sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, hạn chế tình trạng sử dụng lãng phí.

- *Ý kiến 4 : Đối với nhân công trực tiếp xây lắp :*

+ Công ty nên bố trí số lượng công nhân trực tiếp xây lắp cho hợp lý. Nếu thấy năng lực công ty chỉ nhận được những công trình nhỏ, cần ít lao động thì công ty nên giảm bớt số lao động không cần thiết.

+ Công ty nên linh hoạt hơn trong việc nhận công nhân trực tiếp xây lắp thuê ngoài để khi nhận các công trình lớn không bị rơi vào tình trạng chậm tiến độ do thiếu lao động.

+ Công ty cần phải giám sát chặt chẽ giờ giấc làm việc của công nhân tránh tình trạng công nhân đi sớm về muộn, thiếu ý thức, trách nhiệm trong quá trình làm việc làm ảnh hưởng đến chất lượng thi công của công trình.

- Ý kiến 5 : Đối với máy thi công:

+ Công ty mới chỉ nhận được những công trình nhỏ và chủ yếu thi công bằng thủ công nhưng số lượng máy thi công của công ty lại khá nhiều và có giá trị lớn ví dụ

như : Máy xúc KOBELCO : nguyên giá là 250.000.000

Máy ủi KOMATSU : nguyên giá là 207.000.000

Máy xúc đào KOMATSU : nguyên giá là 620.000.000

Nếu như các công trình công ty nhận thi công cần sử dụng đến máy thi công rất ít thì công ty nên xem xét giải tán đội máy thi công và hoàn toàn thuê ngoài máy thi công để giảm bớt chi phí bảo dưỡng máy móc thi công và chi phí khấu hao. Đồng thời khi công ty nhận thi công các công trình ở tỉnh xa sẽ không phải lo đến chi phí vận chuyển máy thi công của công ty đến chân công trình.

- Ý kiến 6 : Đối với chi phí sản xuất chung:

+ Đối với doanh nghiệp xây lắp thì các khoản trích theo lương của công nhân trực tiếp xây lắp, công nhân sử dụng máy thi công và nhân viên quản lý công trình sẽ hạch toán vào TK 627. Cụ thể :

Nội dung	BHXH	BHYT	KPCĐ	BHTN	Tổng
Tính vào chi phí	15%	2%	2%	1%	20%
Trừ vào lương	6%	1.5%	-	1%	8.5%
Tổng	21%	3.5%	2%	2%	28.5%

Công ty nên tiến hành trích các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN cho người lao động để phản ánh đúng giá thành sản xuất sản phẩm xây lắp và khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với công ty. Đây là điều kiện cần thiết giúp công ty phát triển ổn định và lâu dài.

+ Giám đốc nên chỉ đạo các nhân viên quản lý đội xây dựng quản lý chặt chẽ các khoản chi phí phát sinh chung ở đội xây dựng như : điện, nước....để góp phần giảm chi phí sản xuất chung, giảm giá thành sản phẩm.

- Ý kiến 7 : Một số biện pháp khác :

Bộ phận kế toán nên thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn

ý giữa các nhân viên kế toán, nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

3.4. Điều kiện để thực hiện các giải pháp

3.4.1. Đối với nhà nước :

Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng, mang tính chất bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ có chính sách khen thưởng đối với doanh nghiệp làm tốt và có biện pháp xử lý đối với doanh nghiệp vi phạm, tạo điều kiện cho doanh nghiệp hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.

3.4.2. Đối với công ty:

+ Ban lãnh đạo công ty phải kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ công tác kế toán.

+ Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính, quản lý và sử dụng nguồn vốn và đồng thời thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí, triệt để cắt giảm mọi chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý tài chính, ngăn ngừa các hiện tượng thất thoát vật tư, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

+ Phân đấu tìm kiếm các hợp đồng kinh tế mới để đảm bảo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh. Để thực hiện được điều này công ty phải tận dụng các mối quan hệ có sẵn để có thể giao thiệp tạo các mối quan hệ mới với khách hàng mới .

+ Bên cạnh đó công ty nên tạo mối quan hệ bền vững với các khách hàng:

Bởi vì, việc giữ mối quan hệ bền vững lâu dài và tốt đẹp với khách hàng là điều rất cần thiết với doanh nghiệp để có thể tồn tại và phát triển.

+ Công ty nên có chính sách bồi dưỡng nâng cao thêm nghiệp vụ chuyên môn về kế toán để đội ngũ các nhân viên kế toán nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp để đáp ứng với yêu cầu của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, nắm vững nghiệp vụ được giao, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3.4.3. Đối với hiệp hội nghề nghiệp:

- + Hiệp hội nghề nghiệp là tổ chức bao gồm các kế toán viên vì vậy cần cập nhật những thông tin mới nhất về những thay đổi của chế độ kế toán để hướng dẫn các thành viên thực hiện.
- + Hiệp hội nghề nghiệp cần thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu giữa các hội viên để các hội viên có cơ hội học hỏi trao đổi kinh nghiệm với nhau.

KẾT LUẬN

Sáu tuần thực tập tại công ty Cổ phần thương mại và đầu tư xây dựng Hà Trang là khoảng thời gian tuy ngắn nhưng hết sức quan trọng với sinh viên, giúp mỗi sinh viên có thể tiếp cận được với thực tế, vận dụng những kiến thức đã được học trong trường vào thực tế. Trong thời gian này, em đã may mắn nhận được sự tận tình giúp đỡ, tạo điều kiện từ Ban lãnh đạo cũng như các anh chị ở phòng kế toán thông qua sự hướng dẫn của PGS.TS. Thịnh Văn Vinh đã giúp đỡ em tìm hiểu quá trình hạch toán các nghiệp vụ kế toán tại công ty và cung cấp cho em các số liệu cần thiết để em có thể hoàn thành khóa luận của mình.

Vì đây là lần đầu tiên được tiếp cận với thực tế công tác kế toán nên em không thể tránh khỏi thiếu sót khi viết báo cáo này. Em mong nhận được sự nhận xét và đóng góp ý kiến từ phía các anh chị trong phòng kế toán của công ty và các thầy cô giáo.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn các anh chị phòng kế toán trong công ty đã tạo điều kiện cho em tới thực tập. Cảm ơn các thầy cô khoa Quản trị kinh doanh, đặc biệt là PGS.TS. Thịnh Văn Vinh đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành khóa luận của mình!

Hải Phòng, ngày 20 tháng 06 năm 2011.

